

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG**

**THỰC HIỆN ĐẦU TƯ DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**

**KHU ĐÔ THỊ PHÍA ĐÔNG ĐƯỜNG THỦY DƯƠNG - THUẬN AN,  
THUỘC KHU E - ĐÔ THỊ MỚI AN VÂN DƯƠNG**

**ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG AN ĐÔNG, THÀNH PHỐ HUẾ VÀ XÃ THỦY  
THANH, THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**Số: 03/2020/HDDA**

**ĐƯỢC KÝ KẾT GIỮA**

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**VỚI**

**NHÀ ĐẦU TƯ: LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC -  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**

**THỪA THIÊN HUẾ, THÁNG 12/2020**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****HỢP ĐỒNG****THỰC HIỆN ĐẦU TƯ DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT****KHU ĐÔ THỊ PHÍA ĐÔNG ĐƯỜNG THỦY DƯƠNG - THUẬN AN,  
THUỘC KHU E - ĐÔ THỊ MỚI AN VÂN DƯƠNG****ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG AN ĐÔNG, THÀNH PHỐ HUẾ VÀ XÃ THỦY  
THANH, THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****Số: 03/2020/HDDA****I. CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu E (tỷ lệ 1/2000) – Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư tại Khu đô thị mới An Vân Dương năm 2018;*

*Căn cứ Phương án sơ bộ bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân*



*A*

Dương do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Huế và Thị xã Hương Thủy lập tháng 01 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định giá đất để lập hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương;

Căn cứ Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 29/6/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương;

Căn cứ Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Phê duyệt Hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương; Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt sửa đổi Hồ sơ mời thầu;

Căn cứ Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của Nhà đầu tư;

Căn cứ Biên bản đàm phán sơ bộ Hợp đồng thực hiện đầu tư dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương vào ngày 27/8/2020;

Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương;

Căn cứ Công văn số 11665/UBND-QHXT ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đổi tên nhà đầu tư tham gia ký kết hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất so với tên trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Biên bản đàm phán, hoàn thiện Hợp đồng thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương ngày 26/11/2020 giữa Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế và Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC - Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông);

Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

## II. CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại Văn phòng Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**1. Bên A: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế (Cơ quan đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế giao trách nhiệm ký kết**

9

và quản lý việc thực hiện hợp đồng dự án sau khi đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn theo Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

- Người đại diện: Ông Nguyễn Đại Viên, Chức vụ: Giám đốc Sở.

- Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Điện thoại: 0234.3822120 - Fax: 0234.3820094.

**2. Bên B: Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông**

**Trong đó:**

**a) Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC**

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hoài Thu, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp số: 0104230537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/10/2020.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, tòa nhà Vinaconex 7, số 61, đường Nguyễn Văn Giáp, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 3782 3232 Fax: 024 3783 1212.

**b) Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông**

- Người đại diện theo pháp luật là ông: Đặng Minh Huệ, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: 0101311837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15/10/2020.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02437560333 Fax: 02437560332.

- Email: [Info@vc3.vn](mailto:Info@vc3.vn)

### **III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG DỰ ÁN**

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương theo các điều khoản như sau:

#### **Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trong hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

1. “Người có thẩm quyền” là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. “Bên A” là Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế, là cơ quan được Người có thẩm quyền giao trách nhiệm ký kết hợp đồng và quản lý việc thực hiện hợp đồng dự án theo Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. “Bên mời thầu” là Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. “Nhà đầu tư” hoặc “Chủ đầu tư” hoặc “Bên B” là Nhà đầu tư trúng thầu: **Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông.**

5. “Các Bên”: Là Bên A và Bên B trong Hợp đồng.

6. “Hồ sơ mời thầu (HSMT) hoặc hồ sơ yêu cầu (HSYC)” là toàn bộ tài liệu sử dụng cho đấu thầu, bao gồm các yêu cầu cho một dự án làm căn cứ pháp lý cho Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu (hoặc hồ sơ đề xuất) và để Tổ chuyên gia đấu thầu đánh giá, lựa chọn Nhà đầu tư; là căn cứ đàm phán và ký kết hợp đồng.

7. “Hồ sơ dự thầu (HSDT) hoặc hồ sơ đề xuất (HSDX)” là toàn bộ tài liệu được Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu để đề xuất thực hiện đầu tư dự án theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu.

8. “Ngày” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

9. “Luật” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

10. “Nhà đầu tư cấp 1” là Nhà đầu tư như định nghĩa ở trên.

11. “Nhà đầu tư cấp 2” là Nhà đầu tư được Nhà đầu tư cấp 1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật để xây dựng công trình nhà ở, nhưng phải tuân thủ theo nội dung HSMT (hoặc HSYC), HSDT (hoặc HSDX), hợp đồng đã ký kết giữa Bên A và Nhà đầu tư cấp 1.

12. “Rủi ro” là những điều kiện hoặc sự kiện không chắc chắn mà nếu nó xảy ra thì sẽ có tác động xấu đến mục tiêu của dự án (*Ví dụ: các rủi ro do điều kiện tự nhiên; các rủi ro về công nghệ và tổ chức xây dựng; các rủi ro về tài chính, kinh tế ở cấp vĩ mô và vi mô; các rủi ro về thông tin; các rủi ro về chính trị - xã hội...*).

13. “Bất khả kháng” là trường hợp xảy ra sau khi ký kết Hợp đồng này do những sự kiện có tính chất bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của bên bị ảnh hưởng như: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, những quyết định hay sự thay đổi trong chính sách, pháp luật của Nhà nước mà các bên không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép.

14. “Dự án”: Là dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương.

15. “Khu đất Dự án”: Là toàn bộ phần đất nằm trong ranh giới quy hoạch của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt giao cho Nhà đầu tư để tiến hành thực hiện đầu tư Dự án (23,53ha).

16. “Quỹ đất”: Là diện tích đất ở, thời hạn giao đất cho chủ đầu tư được xác định theo thời hạn của dự án; người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng đất ổn định lâu dài và diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, sử dụng có thời hạn 50 năm thuộc Dự án đã được quy hoạch mà Bên A giao cho Bên B để đầu tư, kinh doanh nhằm thu hồi vốn đầu tư mà Bên B đã ứng vốn để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong Khu đất Dự án; đầu tư Công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định;

17. “Số tiền sử dụng đất của Dự án” Là số tiền do cơ quan Thuế thông báo cho nhà đầu tư nộp vào Ngân sách Nhà nước trên cơ sở giá đất do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định và diện tích đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao có thu tiền sử dụng đất cho nhà đầu tư quản lý, sử dụng trong phạm vi dự án.

18. “Công trình hạ tầng kỹ thuật (HTKT)”: Là hệ thống các hạng mục san nền, đường giao thông, điện chiếu sáng, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải,... do Nhà đầu tư tổ chức xây dựng tại Khu đất Dự án.

19. “Công trình xây dựng dân dụng (XDDD)” Là các công trình được đầu tư trên phần diện tích đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho Nhà đầu tư quản lý, sử dụng trong phạm vi dự án, bao gồm: Biệt thự nhà vườn, nhà ở chia lô, nhà ở cao tầng, dịch vụ thương mại, ... do Nhà đầu tư thực hiện đầu tư và kinh doanh.

20. “Nhà thầu”: Là các tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh trong hoạt động tư vấn, xây lắp ...được Bên B lựa chọn để thực hiện các công việc có liên quan đến Dự án theo các quy định của Pháp luật.

21. “Hợp đồng”: Là thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng (nếu phát sinh) và tài liệu khác kèm theo (nếu có) để thực hiện đầu tư Dự án.

22. “Phụ lục Hợp đồng”: Là các tài liệu có liên quan và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

23. Các thuật ngữ khác: Được hiểu theo quy định của Pháp luật hiện hành Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

## ***Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên***

### **1. Hồ sơ hợp đồng**

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Văn bản hợp đồng.
- b) Phụ lục hợp đồng (nếu có).
- c) Biên bản đàm phán sơ bộ, đàm phán hoàn thiện hợp đồng.

✓

- d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư.
- đ) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ HSĐT của Nhà đầu tư.
- e) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT của Bên mời thầu.
- g) Các tài liệu khác có liên quan.

## **2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu**

Tài liệu cấu thành nên hợp đồng có quan hệ thống nhất với nhau, nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp, các bên không thống nhất được thì căn cứ thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất, được quy định như sau:

- a) Văn bản hợp đồng; Phụ lục hợp đồng (nếu có).
- b) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư.
- c) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ HSĐT của Nhà đầu tư.
- d) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT của Bên mời thầu.
- đ) Các tài liệu khác có liên quan.

## **Điều 3. Ngôn ngữ của Hợp đồng**

Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

## **Điều 4. Mục tiêu, phạm vi/ranh giới và quy mô của dự án**

### **1. Mục tiêu của dự án**

a) Cụ thể hoá và từng bước hoàn thiện đồ án quy hoạch chung Khu đô thị mới An Vân Dương nói chung và Khu E - Đô thị mới An Vân Dương nói riêng; góp phần làm thay đổi diện mạo khu vực thuộc địa bàn phường An Đông, thành phố Huế và xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Hình thành khu đô thị mới với các thiết chế hạ tầng xã hội, đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân và nhu cầu thương mại dịch vụ của khu đô thị, hỗ trợ phát triển của khu E. Qua đó tạo doanh thu cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

c) Tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương lân cận xung quanh khu vực dự án, nhất là tạo công ăn việc làm cho người lao động trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành dự án.

### **2. Phạm vi/ranh giới thực hiện dự án**

- a) Phía Bắc giáp quy hoạch Khu dân cư Thủy Thanh.
- b) Phía Nam giáp khu tái định cư Thủy Thanh giai đoạn 1 và giai đoạn 2, đồng thời giáp với các khu đất quy hoạch có ký hiệu OTT10 và SN4.
- c) Phía Tây giáp đường Thủy Dương - Thuận An và quy hoạch khu đất sự nghiệp có ký hiệu SN4.
- d) Phía Đông giáp khu vực ruộng lúa thuộc địa bàn xã Thủy Thanh.

### 3. Quy mô

a) Tổng diện tích khu đất dự án khoảng 23,53ha.

Căn cứ yêu cầu của HSMT, trong HSDT của Nhà đầu tư có đề xuất phương án định hướng quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 với ranh giới lấy hết lộ giới đường Tố Hữu nối dài về sân bay Phú Bài được điều chỉnh lộ giới từ 36m thành 60m. Theo đó, diện tích nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 là 24,57ha. Ranh giới thực hiện dự án sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét chấp thuận sau khi quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 được phê duyệt.

b) Tổng diện tích các loại đất ở dự kiến giao cho Nhà đầu tư là 89.830 m<sup>2</sup>; trong đó, bao gồm:

b.1) Diện tích đất ở thấp tầng: 66.423m<sup>2</sup>.

b.2) Diện tích đất xây dựng Nhà ở xã hội: 23.407m<sup>2</sup>.

c) Thời hạn sử dụng đất: Theo quy định của pháp luật về đất đai.

### 4. Khối lượng công việc

Bên B phải tổ chức thực hiện dự án với khối lượng công việc đã được quy định trong HSMT, HSDT, kết quả lựa chọn Nhà đầu tư, kết quả đàm phán thực hiện hợp đồng, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và các thỏa thuận khác trong hợp đồng. Cụ thể:

**a) Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình trên đất**

a.1) Bên B có trách nhiệm xây dựng công trình HTKT trên toàn bộ phạm vi dự án theo quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 được duyệt, tuân thủ thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật và tiến độ của dự án đã được phê duyệt.

a.2) Bên B có trách nhiệm xây dựng công trình trên đất, bao gồm: Nhà liên kết, Biệt thự, chung cư (tối thiểu xây thô và hoàn thiện kiến trúc mặt ngoài), Nhà ở xã hội và công trình thương mại dịch vụ (hoàn thiện toàn bộ) trên các quỹ đất giao cho Bên B theo quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 và điều lệ quản lý quy hoạch xây dựng được duyệt, tuân thủ thiết kế, kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật và tiến độ của dự án đã được phê duyệt.

**b) Vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án**

b.1) Sau khi hoàn thành công trình HTKT của dự án theo tiến độ tại Hợp đồng thực hiện dự án, Bên B lập hồ sơ hoàn thành đề nghị Bên A, các Sở chuyên ngành có liên quan tổ chức nghiệm thu bàn giao và quản lý các hạng mục công trình HTKT, hạ tầng xã hội (công trình công cộng) thuộc dự án theo quy định. Sau khi bàn giao, Bên B tổ chức bảo hành chất lượng công trình HTKT, hạ tầng xã hội theo quy định.

b.2) Bên B thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng kinh doanh sản phẩm của dự án, bàn giao nhà ở và các giấy tờ liên quan đến nhà ở giao dịch cho khách hàng; thực hiện giao dịch mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở và kinh

SP



doanh quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

**c) Các yêu cầu về môi trường, an toàn theo quy định của pháp Luật về môi trường:**

c.1) Bên B lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định của pháp Luật về Bảo vệ môi trường.

c.2) Bên B có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện dự án và thực hiện các yêu cầu về bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường theo các quy định có liên quan của pháp Luật về bảo vệ môi trường.

**d) Chuyển giao quản lý hành chính:**

d.1) Căn cứ tiến độ đầu tư, xây dựng và kinh doanh của dự án, bên B có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương lập phương án chuyển giao quản lý hành chính trong khu vực thực hiện dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt để các bên có liên quan thực hiện. Phương án chuyển giao quản lý hành chính gồm các nội dung sau:

d.1.1) Sự phối hợp quản lý hành chính giữa bên B với đơn vị quản lý hành chính trong giai đoạn chưa chuyển giao.

d.1.2) Chuyển giao quản lý hành chính khi hoàn thành xây dựng công trình, dự án đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định.

d.1.3) Chuyển giao quản lý hành chính khi hoàn thành toàn bộ dự án.

d.2) Trong thời gian chưa chuyển giao quản lý hành chính, bên B có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thuộc phạm vi dự án; vận hành và đảm bảo chất lượng công trình; phối hợp với đơn vị quản lý hành chính địa phương để giải quyết các thủ tục hành chính cho tổ chức hoạt động tại khu vực dự án và cá nhân cư trú, làm việc tại khu vực dự án.

**5. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án (A): 1.798.112.120.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn bảy trăm chín mươi tám tỷ, một trăm mười hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó:**

a) Dự kiến tổng chi phí thực hiện dự án (M<sub>1</sub>): 1.755.801.650.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn bảy trăm năm mươi lăm tỷ, tám trăm lẻ một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

b) Dự kiến chi phí bồi thường (BT), giải phóng mặt bằng (GPMB) (M<sub>2</sub>): 42.310.470.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ, ba trăm mười triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).



SP

**Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng dự án**

**1. Thời gian thực hiện hợp đồng:** Không quá 84 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**2. Tiến độ thực hiện hợp đồng:**

a) Tổng thời gian để hoàn thành dự án không quá 84 tháng, trong đó:

a.1) Tiến độ hoàn thành hạ tầng kỹ thuật: 36 tháng, kể từ thời điểm bên A bàn giao mặt bằng sạch đạt 75% tổng diện tích khu đất dự án cho Bên B.

a.2) Bên B được quyền lựa chọn ngày khởi công dự án nhưng không quá 15 ngày, kể từ ngày bên A bàn giao toàn bộ (hoặc bàn giao mặt bằng đạt 75% tổng diện tích khu đất dự án) cho bên B.

b) Căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng, bên B phải lập bảng tiến độ thực hiện đầu tư dự án chi tiết để trình cho bên A trong vòng 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và cam kết thực hiện đúng tiến độ đề ra. Nếu bảng tiến độ thực hiện đầu tư do bên B lập không phù hợp với hợp đồng thì Bên A sẽ thông báo cho bên B trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được bảng tiến độ của bên B. Bên B phải chỉnh sửa bảng tiến độ cho phù hợp với hợp đồng theo yêu cầu của bên A. Bảng tiến độ được bên A thống nhất là cơ sở để bên A kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện đầu tư của bên B.

c) Trong quá trình thực hiện dự án, nếu phát sinh những tình huống có thể gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đầu tư dự án của bên B, các bên sẽ trao đổi về mức độ ảnh hưởng và thống nhất hướng giải quyết. Trường hợp phải điều chỉnh tiến độ thực hiện đầu tư, bên B phải lập và nộp cho bên A một bảng tiến độ thực hiện đầu tư sửa đổi phù hợp.

**3. Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng**

Bên A và bên B sẽ thương thảo và báo cáo người có thẩm quyền quyết định về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

a) Do ảnh hưởng của các sự kiện bất khả kháng.

b) Do Bên A chậm bàn giao mặt bằng khu đất thực hiện dự án dẫn đến chậm tiến độ thực hiện công trình HTKT và tiến độ thực hiện toàn bộ dự án. Thời gian được xem xét gia hạn tương ứng với thời gian chậm bàn giao mặt bằng.

c) Được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh mặt bằng quy hoạch xây dựng, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

d) Bên B chậm tiến độ hoàn thành dự án mà không thuộc các trường hợp nêu tại Điểm a, b, c, Khoản này nhưng được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận gia hạn tiến độ và khi đó bên B phải chịu bồi thường thiệt hại và các khoản nộp phạt do chậm tiến độ theo quy định tại Khoản 5, Điều này.

d) Tổng thời gian được gia hạn tối đa không quá 24 tháng.

e) Các trường hợp đặc biệt khác được người có thẩm quyền chấp thuận.

#### 4. Khắc phục tiến độ chậm trễ so với bảng tiến độ

a) Khi tiến độ thực hiện đầu tư đã bị chậm so với bảng tiến độ đã được các bên thống nhất mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 3 Điều này, Bên B phải đề xuất giải pháp thúc đẩy tiến độ dự án gửi bên A xem xét, quyết định.

b) Bên B đẩy nhanh các công tác khảo sát, thiết kế, chuẩn bị dự án đầu tư; thực hiện chặt chẽ khâu tuyển chọn các đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu để chuẩn bị dự án.

c) Lựa chọn đơn vị thi công, giám sát, quản lý dự án có năng lực để thực hiện. Trong trường hợp Bên A phát hiện các đơn vị tư vấn và thi công không đảm bảo năng lực theo quy định, Bên A sẽ yêu cầu bên B lựa chọn đơn vị khác để đảm bảo quy định và tiến độ đề ra.

#### 5. Phạt do chậm tiến độ

a) Chậm tiến độ hoàn thành công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Trường hợp bên B thực hiện chậm tiến độ quá 36 tháng kể từ ngày bàn giao đất đạt 75% thì phải chịu phạt do chậm tiến độ theo quy định hiện hành.

b) Chậm tiến độ hoàn thành dự án: Trường hợp bên B thực hiện chậm tiến độ quá 84 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thì phải chịu phạt do chậm tiến độ theo quy định hiện hành.

c) Trong trường hợp, sau khi hợp đồng có hiệu lực, pháp luật có quy định cụ thể về vấn đề phạt do chậm tiến độ của Bên B theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 5, Điều này, hai bên sẽ tiến hành thương thảo và ký phụ lục hợp đồng để triển khai thực hiện theo quy định.

#### Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên B

##### 1. Quyền của bên B

a) Được yêu cầu bên A và các cơ quan có liên quan cung cấp các thông tin phục vụ việc triển khai thực hiện dự án. Được yêu cầu bên A thực hiện giao đất thực hiện dự án theo đúng diện tích, tiến độ đã quy định trong Hợp đồng và các thủ tục hồ sơ theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Được chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đã được cấp giấy chứng nhận) đã có các công trình hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh cho Nhà đầu tư cấp 2 để đầu tư xây dựng công trình, hạng mục công trình (nhà ở) theo quy định.

d) Được bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở và các công trình xây dựng trong phạm vi dự án khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Nhà ở và pháp

luật về kinh doanh bất động sản, trừ các công trình hạ tầng phải chuyển giao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- d) Được huy động vốn để thực hiện đầu tư theo quy định của pháp luật.
- e) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Nghĩa vụ của bên B

a) Tuân thủ cam kết bố trí vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng theo tiến độ trong phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng được phê duyệt.

b) Tuân thủ cam kết nộp ngân sách nhà nước theo giá trị, thời gian tại hợp đồng này như: nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước; nộp giá trị đề xuất  $M_3$  và phần chênh lệch giá trị  $m_3$  sau khi tính lại theo Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; nộp các khoản thuế, phí và lệ phí khác theo quy định.

c) Thu xếp nguồn vốn để thực hiện dự án theo đúng tiến độ theo quy định tại hợp đồng.

d) Bên B thực hiện đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ theo đúng Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các quy định hiện hành khác có liên quan; tổ chức lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công phù hợp quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

đ) Thực hiện dự án theo quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; các quy định của pháp Luật về đầu tư xây dựng; pháp Luật điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án, đặc biệt là liên quan đến đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản, môi trường và thuế.

e) Bên B dành 20% tổng diện tích đất ở trong đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật dành để xây dựng nhà ở xã hội. Đồng thời Bên B có trách nhiệm trực tiếp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% này (trừ trường hợp Nhà nước thu hồi quỹ đất 20% để đầu tư nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngân sách và trường hợp Bên B không có nhu cầu tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thì chuyển giao quỹ đất này cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

g) Cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

h) Thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm, lao động, tôn trọng danh dự, nhân phẩm và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động.

i) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

k) Thực hiện bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (nếu có) của dự án cho Nhà nước theo quy định.

P

l) Thực hiện quy định của pháp luật về đất đai.

m) Phối hợp với các cơ quan chức năng để thống nhất quản lý xây dựng toàn bộ dự án theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt, quản lý các mốc, cao độ, chỉ giới đường đỏ, quản lý việc xây dựng đối với tất cả các công trình trong phạm vi dự án. Quản lý mặt bằng đã được bàn giao theo quy định của pháp luật, trường hợp để xảy ra lấn chiếm bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

n) Phối hợp với chính quyền địa phương lập phương án chuyển giao quản lý hành chính trong khu vực thực hiện dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt để các bên có liên quan thực hiện.

o) Chịu các khoản phí và lệ phí (nếu có) liên quan đến việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng, điều chỉnh dự án dẫn đến cơ chế tài chính của Dự án bị thay đổi.

p) Các nghĩa vụ khác.

### ***Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của bên A***

#### **1. Quyền của bên A**

a) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án của Bên B trong suốt thời gian thực hiện dự án. Nội dung thanh tra, kiểm tra, bao gồm:

a.1) Việc thực hiện các nội dung trong Hợp đồng thực hiện dự án và các cam kết trong HSDT (nếu có).

a.2) Việc thực hiện pháp luật về quy hoạch xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng.

a.3) Thực hiện các quy định về kinh doanh bất động sản, nhà ở, quản lý đất đai và nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

a.4) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

b) Tạm ngừng việc đầu tư xây dựng dự án nếu Bên B triển khai thực hiện không đúng theo các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng, HSMT; HSDT.

c) Báo cáo người có thẩm quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B vi phạm các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng.

#### **2. Nghĩa vụ của bên A**

a) Phối hợp với UBND thành phố Huế, UBND thị xã Hương Thủy, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Huế và Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Hương Thủy tổ chức thực hiện bồi thường, GPMB, bố trí tái định cư và bàn giao đất cho bên B theo hợp đồng đã ký.

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan hỗ trợ bên B hoàn tất các thủ tục đầu tư xây dựng, tạo điều kiện để bên B thực hiện tốt các nghĩa vụ của mình.

c) Phối hợp với bên B, các cơ quan nhà nước có liên quan cung cấp hồ sơ cho Cơ quan thuế để xác định số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Dự án.

d) Phối hợp với bên B, các cơ quan nhà nước có liên quan lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên B theo quy định của pháp luật.

đ) Nhận bàn giao các quỹ đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội từ bên B theo quy định. Chịu trách nhiệm đề xuất với cấp có thẩm quyền đơn vị tiếp nhận và quản lý, sử dụng các quỹ đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội sau khi nhận chuyển giao.

e) Kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án của bên B hoặc đề xuất với người có thẩm quyền những vấn đề vượt quá thẩm quyền của mình.

#### ***Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng***

1. Bên B có nghĩa vụ cung cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức, giá trị và thời hạn như sau:

a) Thời điểm cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tại thời điểm ký kết hợp đồng thực hiện dự án.

b) Hình thức: Thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

c) Giá trị: **30.981.121.000 đồng** (*Ba mươi tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, một trăm hai mươi một nghìn đồng*).

d) Thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: **87 tháng** (*từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày công trình được hoàn thành hoặc ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng*).

2. Gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trường hợp bên B được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận gia hạn tiến độ thực hiện dự án, Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời gian tương ứng. Bên A sẽ thông báo cho bên B biết trước 30 ngày để bên B thực hiện việc gia hạn và cung cấp lại bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A trước 15 ngày trước khi bảo lãnh thực hiện hợp đồng cũ hết hiệu lực.

3. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên B trong thời hạn 30 ngày kể từ khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

**Điều 9. Chuyển tiền bồi thường (BT), giải phóng mặt bằng (GPMB) cho tổ chức làm nhiệm vụ BT, GPMB**

1. Sau khi nhận được Thông báo của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB về việc đề nghị chuyển tiền bồi thường GPMB, bên A sẽ có Thông báo đề bên B nộp tiền vào tài khoản của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB kể từ ngày nhận được thông báo của bên A để chi trả kịp thời cho người dân.

2. Trường hợp trong quá trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư, giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng thực tế thấp hơn mức ( $M_2$ ) (nếu có) thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp giá trị bồi thường, GPMB thực tế cao hơn mức ( $M_2$ ) (nếu có) thì trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên A, Bên B có trách nhiệm chuyển toàn bộ phần thiếu hụt cho bên A.

4. Bên B sẽ được khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nhưng không vượt quá số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định của pháp Luật về đất đai.

**Điều 10. Nộp ngân sách nhà nước**

1. Bên B nộp ngân sách Nhà nước giá trị đề xuất ( $M_3$ ): **11.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười một tỷ đồng).

Thời điểm bên B nộp giá trị  $M_3$ : Nộp một lần và không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khi xác định lại  $m_3$  theo Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có giá trị cao hơn thì Bên A sẽ cập nhật điều chỉnh giá trị  $m_3$  theo hướng dẫn của Thông tư. Khi đó, bên B sẽ chịu trách nhiệm nộp bổ sung phần chênh lệch giá trị  $m_3$  này.

2. Ngoài giá trị đề xuất nộp ngân sách nhà nước ( $M_3$ ) nêu trên, Bên B còn có nghĩa vụ nộp các khoản tiền sau đây:

a) Đối với khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa ứng với diện tích đất thực hiện dự án có phần diện tích đất lúa, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ có thông báo cho bên B biết để thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Bên B phải hoàn trả chi phí liên quan đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo giá trị và đơn vị thụ hưởng xác định trong HSMT được duyệt theo quy định.

**Điều 11. Dự kiến tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; thời hạn sử dụng đất**

1. Dự kiến tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp

*(Handwritten mark)*

a) Dự kiến số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà Bên B nộp ngân sách Nhà nước: **213.286.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ, hai trăm tám mươi sáu triệu đồng).

b) Số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của dự án sẽ được xác định theo chính sách pháp luật về đất đai và giá đất tại thời điểm có quyết định giao đất cho nhà đầu tư để thực hiện dự án.

c) Số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên đây là giá trị tối thiểu mà Bên B phải nộp vào Ngân sách nhà nước, trừ trường hợp khác được quy định tại hợp đồng này.

## **2. Tiến độ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án**

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể dự án của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Bên A cung cấp các hồ sơ liên quan để Cơ quan thuế xác định số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và ra thông báo cho Bên B về tiến độ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

b) Quy định tiến độ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án như sau:

b.1) Nếu tiền thuê đất nộp tiền 1 lần: Quy định tiến độ nộp tiền thuê đất như sau:

- Lần 1: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo của cơ quan thuế, Bên B phải nộp 50% số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Thông báo.

- Lần 2: Trong vòng 60 ngày tiếp theo, Bên B phải nộp 50% số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất còn lại theo Thông báo.

b.2) Nếu tiền thuê đất trả tiền hằng năm: Nộp tiền theo quy định tại khoản 3, Điều 24, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

c) Khuyến khích bên B nộp tiền sử dụng đất một lần 100% tổng số tiền sử dụng đất phải nộp của dự án.

## **3. Xử lý tài chính đối với việc chậm tiến độ nộp tiền sử dụng đất của dự án**

Quá thời hạn quy định tại Khoản 2 như đã nêu ở trên, Bên B chưa nộp đủ số tiền sử dụng đất theo Thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

## **4. Xử lý tài chính đối với việc lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500**

a) Xử lý tài chính khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500:

Trên cơ sở Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu E (tỷ lệ 1/2000) – Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế, cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu



9



về quy hoạch xây dựng đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt, Bên B tiến hành lập quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500. Trong trường hợp có thay đổi làm tăng diện tích đất giao cho Bên B thì phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận và tiền sử dụng đất Bên B phải nộp tăng lên tương ứng với diện tích đất giao cho Bên B có thay đổi. Trường hợp phương án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 do bên B đề xuất làm giảm diện tích đất giao cho Bên B thì số tiền sử dụng đất của dự án không giảm, trừ trường hợp việc giảm diện tích đất giao cho Bên B là do điều chỉnh lộ giới tuyến đường Tố Hữu nối dài về Sân bay Phú Bài từ 36m thành 60m theo Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Trường hợp bên B được giao đất để thực hiện dự án đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, sau đó đề nghị thay đổi quy hoạch chi tiết xây dựng dẫn đến tăng hệ số sử dụng đất (mật độ, chiều cao của công trình) thì phải xác định và nộp bổ sung tiền sử dụng đất (nếu có) theo nguyên tắc Nhà nước thu chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất xác định theo các phương pháp (thặng dư) của quy hoạch chi tiết xây dựng trước và sau khi điều chỉnh tại cùng thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thay đổi quy hoạch xây dựng.

c) Trường hợp Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, nếu Bên B đề nghị điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng làm phát sinh nghĩa vụ tài chính đất đai (nếu có) thì Bên B phải:

c.1) Nộp đủ số tiền sử dụng đất xác định theo quy hoạch chi tiết xây dựng trước khi được điều chỉnh cộng với tiền chậm nộp tương ứng theo quy định của pháp luật.

c.2) Nộp bổ sung tiền sử dụng đất bằng chênh lệch giữa tiền thuê đất phải nộp theo quy hoạch xây dựng trước khi điều chỉnh và theo quy hoạch xây dựng sau khi điều chỉnh được xác định tại cùng một thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép điều chỉnh quy hoạch xây dựng (nếu có).

d) Nhà đầu tư bố trí kinh phí để thuê đơn vị tư vấn độc lập xác định giá đất cụ thể của dự án tại thời điểm có Quyết định điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính phát sinh (nếu có) của bên B.

### **5. Xử lý tài chính đối với một số trường hợp khác**

a) Trường hợp Nhà nước có điều chỉnh quy hoạch xây dựng làm giảm diện tích đất ở, đất thương mại giao cho Bên B thì số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp dựa trên cơ sở diện tích đất ở, đất thương mại thực tế giao Bên B và được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Trường hợp nhà nước có lấy đất để bố trí tái định cư tại chỗ cho các hộ dân bị di dời bởi dự án làm giảm diện tích đất giao cho Bên B thì số tiền sử dụng đất của dự án được xác định theo diện tích đất thực tế giao cho bên B.

c) Trường hợp Bên B trực tiếp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% không sử dụng nguồn vốn ngân sách thì được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 58, Luật Nhà ở; Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, quyết định việc hoàn trả lại hoặc khấu trừ vào nghĩa vụ tài chính của Bên B đối với trường hợp Bên B đã nộp tiền sử dụng đất đối với quỹ đất 20%. Trường hợp Bên B bàn giao quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội cho Nhà nước thì chủ đầu tư dự án được hoàn trả (hoặc được khấu trừ vào nghĩa vụ tài chính mà Bên B phải nộp ngân sách nhà nước) các khoản chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các khoản chi phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật mà Bên B đã thực hiện đối với quỹ đất 20% phải bàn giao. Số tiền còn lại chưa được hoàn trả hoặc khấu trừ (nếu có) được tính vào chi phí đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư.

#### **6. Xử lý tài chính liên quan đến quyết toán công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án**

a) Suất đầu tư HTKT đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt để tính toán xác định giá đất, tiền sử dụng đất của Dự án sẽ không thay đổi tại thời điểm bàn giao đất đã giải phóng mặt bằng tại thực địa.

b) Tổng mức đầu tư dự án HTKT do Bên B tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt làm cơ sở triển khai đầu tư xây dựng và báo cáo giám sát đầu tư Dự án.

c) Giá trị quyết toán đối với công trình HTKT của Dự án được lấy theo giá trị thấp nhất giữa tổng mức đầu tư dự án được tính toán theo suất đầu tư HTKT và tổng giá trị quyết toán dự án đầu tư được quy đổi về tiêu chuẩn của quy hoạch xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ giá trị quyết toán đối với công trình HTKT và cơ chế tài chính của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên B nộp bổ sung phần chênh lệch giá trị đầu tư HTKT của Dự án vào Ngân sách (nếu có).

#### **7. Xử lý tài sản trên đất sau khi hết thời hạn giao đất hoặc cho thuê đất**

Sau khi hết thời hạn giao đất hoặc cho thuê đất, việc xử lý tài sản trên đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

#### **Điều 12. Giao đất, cho thuê đất cho bên B, bàn giao mặt bằng xây dựng**

##### **1. Giao đất, cho thuê đất cho bên B**

a) Sau khi hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu đất thực hiện dự án; việc giao đất, cho thuê đất cho bên B áp dụng theo trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Văn bản số 4798/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 04/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xử lý một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật Đất đai hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, báo cáo Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tiền sử dụng đất, tiền thuê đất bên B phải nộp tại thời điểm Nhà nước có quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Bên B triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, quy hoạch xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các pháp luật khác có liên quan. Bên B có thể đề xuất phương án phân kỳ đầu tư dự án phù hợp với tiến độ bàn giao mặt bằng, song tổng tiến độ thực hiện dự án và tiến độ đầu tư HTKT không được vượt quá tiến độ mà Bên B đã đề xuất trong HSDT và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khi đó các bên sẽ ký phụ lục Hợp đồng đối với nội dung này.

## **2. Bàn giao mặt bằng xây dựng**

a) Sau khi nhận được tiền bồi thường, GPMB của bên B, bên A có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương (nơi thực hiện dự án) tổ chức thực hiện công tác bồi thường GPMB và bàn giao mặt bằng cho bên B theo quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về trình tự thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các quy định hiện hành khác (nếu có).

b) Trường hợp không bàn giao diện tích đất thực hiện dự án cho Bên B theo đúng diện tích (thấp hơn) hoặc tiến độ (muộn hơn) thì Bên B phải báo cáo người có thẩm quyền để có hướng giải quyết. Nếu Bên B không báo cáo thì phải tự chịu trách nhiệm về việc bàn giao chậm. Nếu việc chậm bàn giao mặt bằng làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án của Bên B thì Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng với thời gian bị chậm trễ.

## **Điều 13. Yêu cầu thực hiện dự án**

### **1. Yêu cầu về kỹ thuật đảm bảo đáp ứng quy mô dự án, giải pháp kiến trúc, công năng cơ bản của công trình dự án**

a) Bên B thực hiện đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan; tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 phù hợp với quy hoạch phân khu 1/2000 đã được phê duyệt đồng thời thiết lập hệ thống 3D GIS cho khu vực dự án (lưu ý trong đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 phải bố trí các công trình phúc lợi phục vụ cộng đồng), lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

b) Bên B có trách nhiệm xây dựng công trình HTKT, xây dựng công trình trên đất và các công trình phúc lợi phục vụ cộng đồng (đối với quỹ đất giao cho bên B) theo quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 và điều lệ quản lý quy hoạch

xây dựng được duyệt, tuân thủ thiết kế, kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật và tiến độ của dự án đã được phê duyệt.

c) Trước khi khởi công xây dựng, bên B phải xin cấp giấy phép xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp và tiến hành xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng (nếu có).

## **2. Yêu cầu về vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án**

a) Các công trình công cộng, công trình HTKT phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý chuyên ngành tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu của bên B và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của bên B theo quy định trước khi bên B lập hồ sơ hoàn thành dự án và đề nghị bàn giao quản lý các hạng mục công trình công cộng, công trình HTKT.

b) Đối với các công trình mà bên nhận chuyển giao đã được xác định trong nội dung dự án thì bên nhận chuyển giao có quyền và nghĩa vụ tham gia quản lý chất lượng và nghiệm thu công trình trong suốt quá trình xây dựng cho đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

c) Sau khi hoàn thành thực hiện dự án (theo tiến độ tại Hợp đồng thực hiện dự án), bên B có trách nhiệm lập hồ sơ hoàn thành dự án đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức nghiệm thu bàn giao và quản lý các hạng mục công trình HTKT, hạ tầng xã hội (công trình công cộng) thuộc dự án theo quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định về tham gia quản lý, bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các quy định hiện hành.

Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ báo cáo UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định bên tiếp nhận theo quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nêu trên.

d) Nội dung nghiệm thu và bàn giao công trình công cộng, công trình HTKT thực hiện theo Điều 30, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

đ) Bên B chịu trách nhiệm về chất lượng công trình và phải bảo hành đối với công trình chuyển giao theo quy định của pháp luật. Đối với công trình đã qua sử dụng, trước khi chuyển giao phải tiến hành đánh giá chất lượng, giá trị và hoàn thành các công tác bảo trì cần thiết. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội không chuyển giao hoặc chưa chuyển giao thì bên B có trách nhiệm quản lý và đảm bảo chất lượng vận hành.

e) Bên B thực hiện đầu tư các công trình trên đất và kinh doanh các sản phẩm của dự án theo Hợp đồng dự án và tuân thủ các quy định của pháp luật liên

ff

quan. Trường hợp Bên B có đề xuất về việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng HTKT cho người dân (hộ gia đình, cá nhân) tự xây dựng nhà ở, trình tự và hồ sơ xin ý kiến chấp thuận lập theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Điều 11, Thông tư Liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng – Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

g) Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng kinh doanh sản phẩm của dự án, bàn giao nhà ở và các giấy tờ liên quan đến nhà ở giao dịch cho khách hàng; thực hiện giao dịch mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở và kinh doanh quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và nhà ở.

h) Trong thời hạn 50 ngày, kể từ ngày bàn giao nhà ở cho người mua hoặc kể từ thời điểm bên thuê mua đã thanh toán đủ tiền theo thỏa thuận thì bên B phải làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho người mua, người thuê mua nhà ở, trừ trường hợp người mua, thuê mua tự nguyện làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

i) Bên B có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ nhà ở theo quy định.

k) Bảo hành nhà ở theo quy định; thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước.

l) Đối với công trình cần có sự chuyển giao quản lý hành chính cho chính quyền địa phương, Bên B phải lập kế hoạch và thực hiện việc chuyển giao quản lý hành chính cho chính quyền địa phương theo quy định. Trong khi chưa thể thực hiện chuyển giao toàn bộ dự án, Bên B phải phối hợp với đơn vị quản lý hành chính địa phương để giải quyết các thủ tục hành chính cho các hộ dân cư chuyển đến ở.

m) Đề xuất về quản lý hành chính, đơn vị hành chính mới và phương án chuyển giao quản lý hành chính cho chính quyền địa phương; Các quy định về phối hợp quản lý hành chính, chuyển giao hành chính, an ninh và dịch vụ công ích giữa bên B với các cơ quan địa phương có liên quan trong quá trình thực hiện đến khi hoàn thành dự án.

### **3. Phương án quản lý rủi ro của bên B trong quá trình triển khai thực hiện dự án**

a) Bên B cần xác định các rủi ro có thể xảy ra, đồng thời phân tích, đánh giá ảnh hưởng rủi ro tới các mục tiêu dự án và xây dựng các giải pháp kiểm soát, phòng ngừa rủi ro.

b) Bên B thực hiện ký quỹ hoặc cung cấp Chứng thư bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật về đầu tư theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này.

c) Bên B phải thực hiện biện pháp bảo lãnh giao dịch nhà ở theo quy định của Luật Kinh doanh Bất động sản.

d) Bên B phải bảo đảm năng lực tài chính để thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 6, Điều này.

#### **4. Các yêu cầu đặc thù khác liên quan đến ngành, lĩnh vực của dự án (nếu có)**

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trong suốt thời gian thực hiện dự án. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm:

a) Việc thực hiện các nội dung trong hợp đồng dự án và các cam kết trong Hồ sơ dự thầu (nếu có).

b) Việc thực hiện pháp luật về quy hoạch xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng.

c) Thực hiện các quy định về kinh doanh bất động sản, nhà ở, quản lý đất đai và nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

d) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

#### **5. Chuyển giao công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội**

a) **Thời điểm chuyển giao:** Trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày hoàn thành công tác đầu tư xây dựng để chuyển sang giai đoạn kinh doanh, khai thác, bên B chuyển giao không bồi hoàn các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của dự án và các tài liệu liên quan đến quá trình khai thác, vận hành công trình cho Nhà nước.

##### **b) Thủ tục chuyển giao:**

b.1) Trước thời hạn chuyển giao các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của dự án, bên A sẽ tổ chức kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình và yêu cầu bên B thực hiện việc sửa chữa, bảo hành những hư hỏng, khiếm khuyết của công trình không được ít hơn 12 tháng kể từ ngày bàn giao (nếu có); việc chuyển giao chỉ được thực hiện khi công trình, các thiết bị và tài sản liên quan đến việc vận hành công trình đã được bảo dưỡng, sửa chữa, bảo hành theo quy định.

b.2) Bên B và bên A lập hồ sơ bàn giao các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của dự án làm căn cứ pháp lý cho việc chuyển giao công trình.

b.3) Bên B phải bảo đảm tài sản được chuyển giao không bị dùng làm tài sản để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc bị cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các nghĩa vụ khác của bên B phát sinh trước thời điểm chuyển giao; có trách nhiệm thực hiện chuyển giao công nghệ và đào tạo, hướng dẫn cho đơn vị được Nhà nước giao tiếp tục vận hành công trình; thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định của hợp đồng này.

#### **6. Yêu cầu bố trí đủ vốn để thực hiện dự án**

Bên B phải bố trí đủ vốn để thực hiện dự án. Trong đó, yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà bên B phải thu xếp và huy động:

a) Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà bên B phải thu xếp: Không được thấp hơn 15% tổng mức đầu tư và không được thấp hơn 313.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

b) Vốn vay tối đa mà Bên B phải huy động: 1.513.112.120.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm mười ba tỷ, một trăm mười hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

#### **Điều 14. Doanh nghiệp dự án**

1. Bên B có thể thành lập Doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án. Doanh nghiệp dự án được thành lập với mục tiêu duy nhất là thực hiện Dự án này mà không tham gia bất cứ hoạt động kinh doanh nào khác.

2. Vốn điều lệ của doanh nghiệp dự án không được thấp hơn mức vốn chủ sở hữu bên B cam kết huy động.

#### **Điều 15. Cổ vật phát hiện tại khu vực dự án**

Bất kỳ vật hóa thạch, cổ vật, công trình kiến trúc hoặc các hiện vật khác trong khu vực dự án có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Bên B không cho người của mình hoặc người khác lấy làm hư hỏng cổ vật được phát hiện. Bên B phải thông báo ngay cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp Luật.

#### **Điều 16. Quản lý chất lượng công trình**

Bên B phải tổ chức thực hiện dự án tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đã được nêu trong HSMT, HSDT; phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước.

Bên B phải chịu sự quản lý chất lượng công trình của bên A và các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nguyên tắc cơ bản quản lý dự án đầu tư xây dựng:

#### **1. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc Dự án**

Công trình hạ tầng kỹ thuật được quản lý theo dự án đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước ngoài ngân sách được quy định tại Luật Xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác. Theo đó, tại thời điểm hiện nay, công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc Dự án được Nhà nước quản lý về chủ trương đầu tư, mục tiêu, quy mô đầu tư, chi phí thực hiện, các tác động của dự án đến cảnh quan, môi trường, an toàn cộng đồng, quốc phòng, an ninh và hiệu quả của dự án. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm quản lý thực hiện dự án theo quy định của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình



Handwritten signature or mark at the bottom right corner.

xây dựng tuân thủ theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

## **2. Đối với công trình xây dựng trên đất thuộc Dự án**

Công trình đầu tư trên đất được quản lý theo dự án đầu tư bằng nguồn vốn khác được quy định tại Luật Xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác. Theo đó, tại thời điểm hiện nay, công trình xây dựng trên đất thuộc Dự án được Nhà nước quản lý về mục tiêu, quy mô đầu tư và các tác động của dự án đến cảnh quan, môi trường, an toàn cộng đồng và quốc phòng, an ninh.

Khuyến khích Bên B thực hiện việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng như đối với công trình được đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước.

### ***Điều 17. Bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường***

1. Bên B lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định của pháp Luật về bảo vệ môi trường.

2. Bên B phải có các biện pháp nhằm bảo đảm an toàn lao động trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình Dự án. Chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát cần có cam kết, thông báo công khai, rộng rãi về công tác, biện pháp bảo đảm an toàn thi công xây dựng dự án, công trình cho cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương tại địa bàn Dự án để theo dõi, giám sát hoạt động có an toàn hay không.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và lực lượng chức năng sẽ tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định, về các biện pháp, điều kiện bảo đảm an toàn hoạt động thi công, nhất là khi có dấu hiệu, thông tin, phản ánh của người dân, báo chí, truyền thông về tình trạng mất an toàn.

### ***Điều 18. Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án***

1. Chuyển nhượng dự án: Bên B có quyền chuyển nhượng dự án do mình thực hiện cho nhà đầu tư khác theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Trong mọi trường hợp, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án phải kế thừa toàn bộ nghĩa vụ còn lại của nhà đầu tư chuyển nhượng đã cam kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Huy động vốn: Bên B huy động vốn đảm bảo tuân thủ các quy định tại Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn hiện hành liên quan.

### ***Điều 19. Ưu đãi, hỗ trợ và bảo đảm đầu tư***

Bên B được ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nếu có).



**Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng**

Nội dung sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án phải được đàm phán, ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

**Điều 21. Sự kiện bất khả kháng**

1. Nếu xảy ra trường hợp bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được hoặc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng. Tuy nhiên, trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng phải gửi ngay thông báo cho bên kia khi nhận thấy rằng mình không thể thực hiện được nghĩa vụ của Hợp đồng do trường hợp bất khả kháng gây ra. Sau đó các bên sẽ thường xuyên trao đổi để thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc giảm nhẹ hậu quả của sự kiện bất khả kháng và giải quyết các hậu quả khác của sự kiện bất khả kháng.

**2. Thông báo về bất khả kháng**

Nếu một bên bị cản trở thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ đã và sẽ bị cản trở.

Khi đã thông báo, bên đó sẽ được miễn thực hiện nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

**3. Các hậu quả của bất khả kháng**

a) Bên B bị cản trở thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo quy định, thì bên B có quyền kéo dài thời gian thực hiện theo quy định của hợp đồng.

b) Trong khoảng thời gian không thể thực hiện dự án do điều kiện bất khả kháng, bên B theo hướng dẫn của bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, bên A sẽ xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền bồi hoàn cho bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

4. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại hợp đồng này.

**Điều 22. Vi phạm hợp đồng dự án**

Bên B vi phạm quy định tại hợp đồng này và các quy định khác của Nhà nước thuộc lĩnh vực có liên quan, bên B sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ “*Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở*”, Nghị định số 21/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ và các quy định về xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 23. Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn bởi bên A**

#### **1. Tạm ngừng hợp đồng bởi bên A**

a) Bên A được quyền tạm ngừng hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

a.1) Bên B thực hiện đầu tư chậm so với bảng tiến độ đã cam kết (kể cả được gia hạn) quá 06 tháng. Bên B thực hiện đầu tư dự án không đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch xây dựng, dự án được duyệt hoặc các yêu cầu của HSMT, HSDT hoặc các nội dung đã cam kết trong hợp đồng.

a.2) Bên B không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng; không thực hiện điều chỉnh thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng khi cấp có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thực hiện dự án.

a.3) Bên B chuyển nhượng dự án, huy động vốn không đúng quy định tại Điều 18 của hợp đồng này.

a.4) Xảy ra các sự kiện bất khả kháng.

b) Bên A sẽ thông báo tạm ngừng hợp đồng cho bên B biết trước ngày ngừng hợp đồng tối thiểu 30 ngày. Bên B chịu trách nhiệm về việc bên A tạm ngừng hợp đồng và sẽ không được bù khoảng thời gian tạm ngừng hợp đồng trừ trường hợp do bất khả kháng.

#### **2. Chấm dứt Hợp đồng bởi bên A**

a) Bên A được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a.1) Sau khi bên A tạm ngừng hợp đồng mà bên B không thực hiện việc khắc phục các vi phạm trong khoảng thời gian theo thông báo của bên A.

a.2) Bên B bị phá sản, giải thể; bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản.

a.3) Quá thời hạn bên B phải chuyển kinh phí bồi thường, GPMB dự án theo quy định tại Điều 9 quá 30 ngày hoặc chậm nộp tiền sử dụng đất quá 03 tháng theo quy định tại khoản 2, Điều 11 của hợp đồng này.

b) Bên A sẽ thông báo về việc chấm dứt hợp đồng cho bên B biết trước khi chấm dứt hợp đồng 30 ngày. Sau 60 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng, bên B phải di chuyển toàn bộ vật tư, nhân lực, máy móc, thiết bị và các tài sản khác

thuộc sở hữu của mình ra khỏi công trường. Nếu sau khoảng thời gian này bên B chưa thực hiện việc di chuyển thì bên A có quyền xử lý đối với các tài sản này.

### **3. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng bởi bên A**

Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định tại Khoản 2, Điều này, các chi phí mà bên B đã triển khai thực hiện sẽ được bên A thuê một đơn vị tư vấn trung gian kiểm tra, tính toán cụ thể và chỉ được hoàn trả khi có một bên B khác được lựa chọn tiếp tục thực hiện đầu tư dự án.

#### ***Điều 24. Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn bởi bên B***

##### **1. Tạm ngừng hợp đồng bởi bên B**

a) Bên B tạm ngừng hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

a.1) Bên A chậm bàn giao khu đất thực hiện dự án cho bên B quá 90 ngày theo quy định tại hợp đồng này.

a.2) Xảy ra các sự kiện bất khả kháng.

b) Bên B thông báo tạm ngừng hợp đồng cho bên A biết trước ngày ngừng hợp đồng tối thiểu 30 ngày. Trong trường hợp này, bên B được bù khoảng thời gian tạm ngừng hợp đồng vào thời gian thực hiện hợp đồng.

##### **2. Chấm dứt hợp đồng bởi bên B**

a) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu: Sau khi bên B tạm ngừng hợp đồng mà bên A vẫn không thực hiện việc bàn giao mặt bằng trong khoảng thời gian theo thông báo của bên B.

b) Bên B sẽ thông báo về việc chấm dứt hợp đồng cho bên A biết trước khi chấm dứt hợp đồng tối thiểu 30 ngày.

### **3. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng bởi bên B**

Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định tại Khoản 2, Điều này, bên A và bên B sẽ thống nhất lựa chọn một đơn vị tư vấn trung gian kiểm tra, tính toán toàn bộ khối lượng, giá trị công việc đã được bên B thực hiện. Bên A có trách nhiệm hoàn trả cho bên B các chi phí mà bên B đã triển khai thực hiện và tiếp nhận lại dự án.

#### ***Điều 25. Pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan***

Luật áp dụng để điều chỉnh quan hệ hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan đến việc thực hiện dự án là hệ thống pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ Luật Dân sự, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Đầu tư...

#### ***Điều 26. Giải quyết tranh chấp***

##### **1. Khiếu nại**

a) Khi một bên khiếu nại bên kia thì phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ những nội dung khiếu nại.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ khi phát hiện những nội dung không phù hợp với Hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng thỏa thuận đã ký.

c) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với Hợp đồng đã ký, nếu những căn cứ và dẫn chứng không thuyết phục, không hợp lý thì phải chấp thuận với những khiếu nại của bên kia. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

## **2. Xử lý tranh chấp**

a) Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

b) Trường hợp thương lượng không có kết quả thì giải quyết thông qua Tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc đối với các bên.

**3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng tới hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.**

### ***Điều 27. Thu hồi đất do vi phạm pháp Luật về đất đai***

Đất được Nhà nước giao, cho thuê để bên B thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì Bên B được gia hạn sử dụng đất 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà Bên B vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.

### ***Điều 28. Những nội dung khác***

1. Bên B báo cáo định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất cho Bên A và tình hình thực hiện đầu tư, đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở Ban quản lý dự án của mình các thông tin quy định.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện dự án, bên B phải tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Mọi rủi ro do thay đổi cơ chế, chính sách pháp luật thời điểm thực hiện, bên B chịu trách nhiệm.


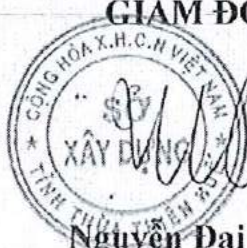
### ***Điều 29. Hiệu lực hợp đồng dự án***

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2020 sau khi bên A đã nhận được báo đảm thực hiện hợp đồng của bên B.

✓

- 2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này.
- 3. Hợp đồng này bao gồm      trang, được lập thành 10 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 05 bản, bên B giữ 05 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH**  
**THỪA THIÊN HUẾ**

**GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Nguyễn Đại Viên**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

  
  
**Nguyễn Thị Hoài Thu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN**  
**NAM MÊ KÔNG**

**Tổng giám đốc**  
  
  
**Đặng Minh Huệ**

Người ký: Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị  
Email: bqlkvptdt.@thuathienhue.gov.vn

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
BAN QUẢN LÝ KHU VỰC  
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ  
Số: 153/BQLKV-QLHT,KT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 10 năm 2021

“Về việc cung cấp toạ độ, cao độ điểm cơ sở phục vụ cho dự án: Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương”.

**Kính gửi: - Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn IUC – Công ty Cổ phần tập đoàn BGI.**

Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được văn bản số số 152/2021/IUC/CV-LD ngày 12/10/2021 của Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn IUC – Công ty Cổ phần tập đoàn Nam Mê Kông về việc xin cung cấp bổ sung toạ độ, cao độ điểm cơ sở phục vụ cho dự án: Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương.

Trên cơ sở Báo cáo kinh tế kỹ thuật cắm mốc lộ giới, khảo sát và kiểm kê hiện trạng các tuyến đường chính qua khu dân cư Khu A, Khu B, Khu C – đô thị mới An Vân Dương do xí nghiệp Khảo sát Đo đạc và Xây dựng thực hiện, Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế cung cấp 3 mốc địa chính cơ sở và 2 mốc giải tích (theo hệ toạ độ VN2000 của An Vân Dương, lưới chiếu UTM, kinh tuyến trục  $Lo=107^\circ$ , múi chiếu  $3^\circ$ ; Hệ cao HN-1972 Hòn dẫu, Đồ Sơn, Hải Phòng) trong khu vực để Công ty có cơ sở triển khai dự án. Tuy nhiên, do các mốc này được xây dựng đã lâu nên đề nghị Đơn vị kiểm tra trước khi sử dụng. Chi tiết toạ độ, cao độ các mốc cụ thể như sau:

**1. Mốc địa chính cơ sở:**

- + Mốc ĐCCS 332407: X=1820928.735; Y=566205.058.
- + Mốc ĐCCS 332430: X=1823497.750; Y=565508.264.
- + Mốc ĐCCS 332423: X=1826009.279; Y=565858.045.

**2. Mốc giải tích:**

- + Mốc giải tích GT4: X=1821308.356; Y=565534.743; Z=2.293.
- + Mốc giải tích GT19A: X=1822725.033; Y=566284.322; Z=1.352.

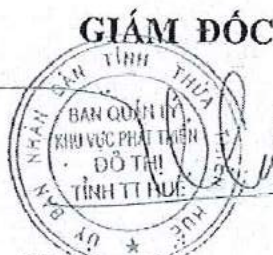
Ngoài ra, lân cận khu vực dự án có một số mốc đường chuyên cấp I được thực hiện năm 2013, Quý đơn vị có thể đối chứng, kiểm tra để phục vụ việc đo vẽ. DCI-03(X=1820546.408; Y=566477.486; Z=2.512); DCI-04(X=1821368.969; Y=566453.104; Z=3.456); DCI-05(X=1821990.925; Y=567325.974; Z=1.488).

(Vị trí mốc ngoài thực địa có bản vẽ sơ hoạ đính kèm).

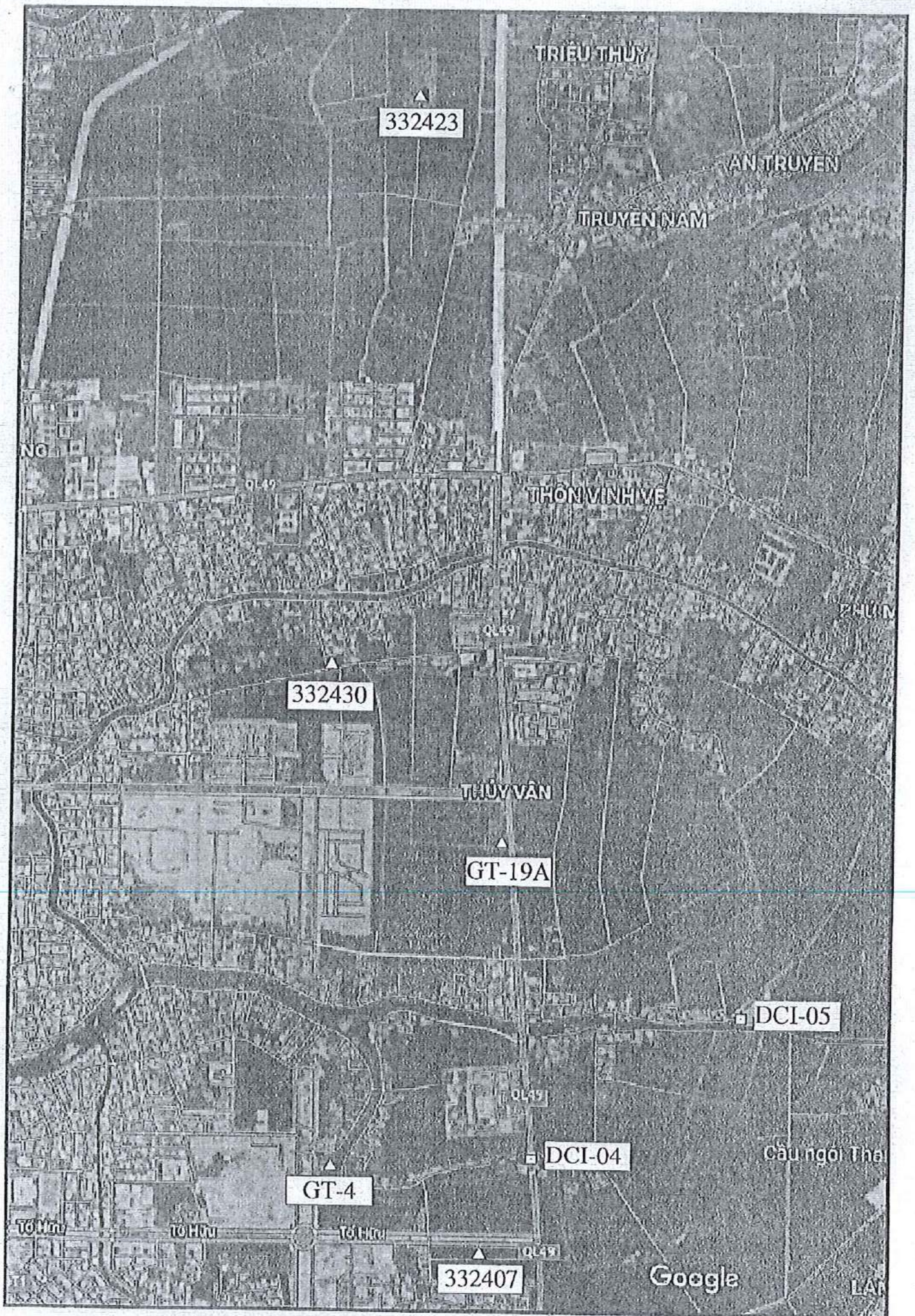
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, QLHTKT.



Huỳnh Minh Khang



332423

TRIEU THUY

AN TRUYEN

TRUYEN NAM

NG

QL 49

THON MINH VE

THON

QL 49

332430

THUY VAN

GT-19A

DCI-05

QL 49

DCI-04

Cau ngoi Thai

GT-4

TON

TON

TON

QL 49

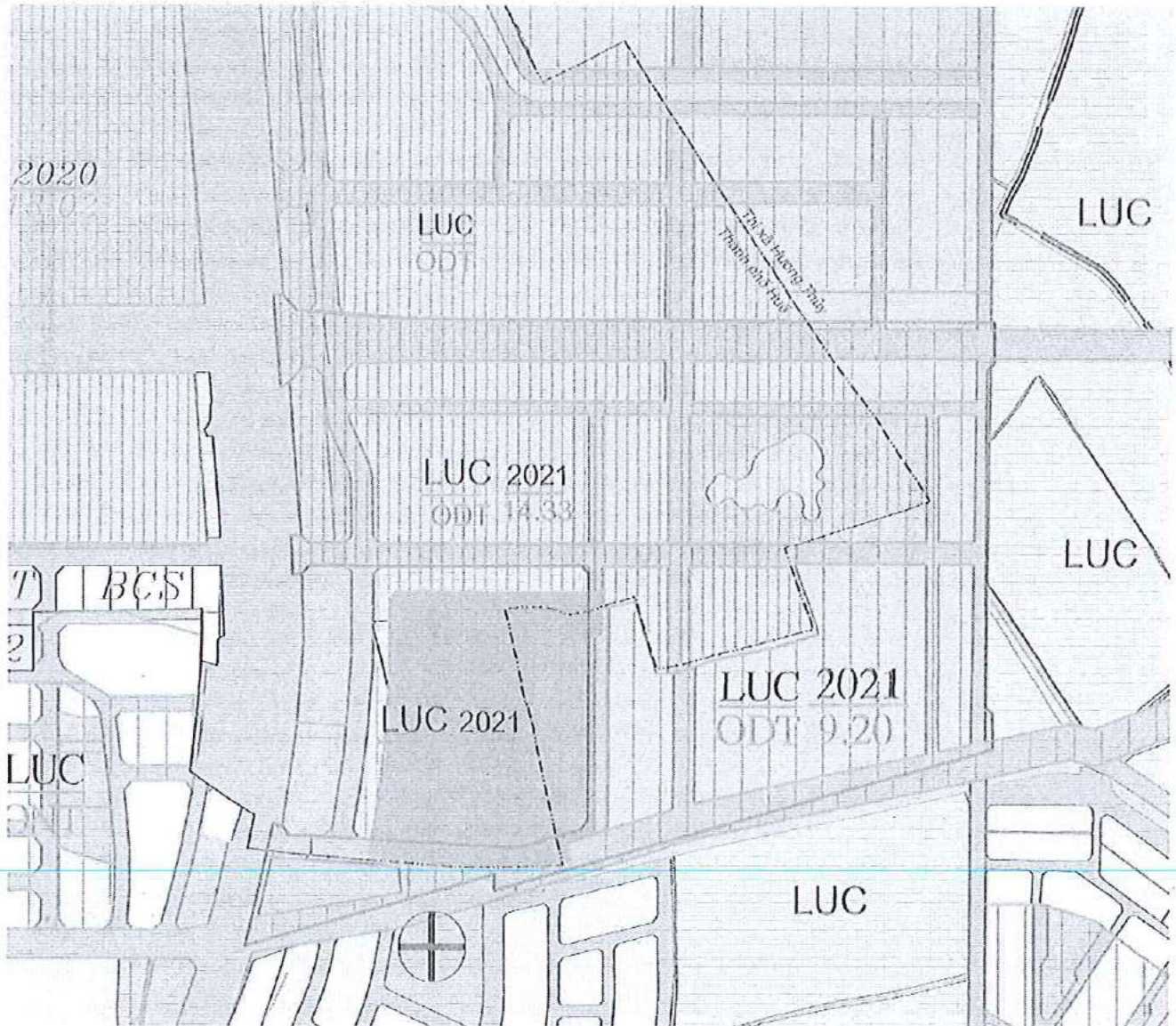
332407

Google

LAI

# TRÍCH LỤC VỊ TRÍ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Khu Đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An
2. Địa điểm: Phường An Đông, thành phố Huế và xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế
3. Diện tích: 23,85 ha



Nền bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Huế và thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 và Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

## GHI CHÚ:

—	Biên giới dự án	III	Đất chuyên trồng lúa nước
- - - -	Đa giới hành chính huyện	ODT	Đất tại đô thị
LUC	Mã loại đất hiện trạng	ODT	Đất giao thông
ODT	Mã loại đất theo kế hoạch sử dụng đất		
2020	Nhà số hoạch sử dụng đất		
9.20	Diện tích		

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Ngày 17 tháng 4 năm 2021



Lê Bá Phước



BL063398

## BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Nam Định, ngày 22 tháng 12 năm 2021

Số thư bảo lãnh: NDI221221PELL375

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

(Sau đây gọi là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng)

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC là đại diện Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC và Công ty Cổ phần xây dựng số 3 (Nay đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Mê Kông) (sau đây gọi là nhà đầu tư) là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện Dự án: Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E – Đô thị mới An Vân Dương, đã ký Hợp đồng số 03/2020/HDDA ngày 28/12/2020 để thực hiện dự án nêu trên (sau đây gọi là *Hợp đồng*);

Theo quy định của hợp đồng, Nhà đầu tư phải nộp cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Nam Định ở Việt Nam có trụ sở đăng ký tại số CL14 – 24, 25, 26 Khu đô thị Dệt may Nam Định, đường Trần Phú, phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà đầu tư với số tiền là 30.981.121.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, một trăm hai mươi một nghìn đồng*). Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn 30.981.121.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, một trăm hai mươi một nghìn đồng*) như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng thông báo Nhà đầu tư vi phạm hợp đồng trong thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày 28/03/2028.

Mọi yêu cầu thanh toán của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng liên quan đến thư bảo lãnh này phải được gửi đến trụ sở của Ngân hàng trong thời gian Thư bảo lãnh còn hiệu lực và trong thời gian làm việc của Ngân hàng.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Tòa án Nhân dân cấp huyện nơi Ngân hàng đặt trụ sở để giải quyết.



Số: ..G.I.22.L.39685.....  
Số CV: 4125../BIDV.HN-CV

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2022

**THƯ ĐẢM BẢO CUNG CẤP VỐN TÍN DỤNG**

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Vinaconex 7, số 61 đường Nguyễn Văn Giáp, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Căn cứ giấy đề nghị cấp thư đảm bảo cung cấp vốn tín dụng ngày 15/04/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (Sau đây gọi là “Ngân hàng”) có trụ sở đăng ký tại Số 4B Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, cam kết:

Ngân hàng sẽ cấp một lượng tín dụng vừa đủ đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC, tối đa không vượt quá 600.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng) để thực hiện Dự án: “Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc khu E - Đô thị mới An Vân Dương tại Phường An Đông, Thành phố Huế và Xã Thủy Thanh, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế” với các điều kiện:

1. Dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, khả thi, có hiệu quả, có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, đảm bảo các quy định của Pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản, các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

2. Tại thời điểm cấp tín dụng, Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cấp tín dụng và bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, quy định của Pháp luật.

Ngày: 18-04-2022

Thư này được phát hành 01 bản duy nhất để Công ty Cổ phần Tập đoàn IUC thực hiện Dự án theo các điều kiện nêu trên và không có giá trị cho bất kỳ mục đích nào khác.



CÔNG CHỨNG VIÊN  
**Nguyễn Xuân Thương**



GIÁM ĐỐC  
**Lê Huy Hoàng**

Không ghi  
vào khu  
vực này

**GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Mã hiệu: .....

Tiền mặt  Chuyển khoản

Số: ..... *1111 02*

Loại tiền: VND  USD  Khác.....

Số tham chiếu<sup>(1)</sup>: .....

Người nộp thuế: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC** Mã số thuế: **0104230537**

Địa chỉ: **Tầng 3, Toà nhà Vinaconex 7, Số 61 đường Nguyễn Văn Giáp, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội**

Người nộp thay: **ĐÃ THANH TOÁN**

Địa chỉ: ..... Quận/Huyện: ..... Tỉnh, TP: .....

Đề nghị NH/ KBNN: **SHB PGD Lê Đức Thọ** trích TK số: **1015998012**

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo: TK thu NSNN  **7111** TK tạm thu  TK thu tiền hoàn thuế GTGT

vào tài khoản của KBNN: **VP KBNN Thừa Thiên Huế**

Mở tại NH ủy nhiệm thu: **NH TMCP ĐT&PT VN – CN Thừa Thiên Huế**

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước  Thanh tra cấp tỉnh

Thanh tra Chính phủ  Cơ quan có thẩm quyền khác

Tên cơ quan quản lý thu: **Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế**

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiêu mục
1	559/TB-CTTTH	16/04/2021	Giá trị nộp ngân sách nhà nước tối thiểu M3 tạm tính	11.000.000.000	11.000.000.000	560	4549
<b>Tổng cộng</b>				<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>		

Tổng số tiền ghi bằng chữ<sup>(2)</sup>: *Mười một tỷ đồng*

**PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:**

Mã CQ thu: .....

Nợ TK: .....

Mã ĐBHC: .....

Có TK: .....

**NGƯỜI NỘP TIỀN**  
Ngày... tháng... năm...  
Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

**NGÂN HÀNG/ KHO BẠC NHÀ NƯỚC**  
Ngày... tháng... năm...  
Thủ quỹ Kế toán

*Nguyễn Thị Hoài Thu*  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
0104230537

*Hàng Lohi*  
KẾ TOÁN TRƯỞNG  
ĐOÀN KẾ TOÁN & KHOU

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC**

Số: 1207/2023/HĐHT/BGI-IUC

**DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT  
KHU ĐÔ THỊ PHÍA ĐÔNG ĐƯỜNG THỦY DƯƠNG - THUẬN AN,  
THUỘC KHU E - ĐÔ THỊ MỚI AN VÂN DƯƠNG**

Ngày 12 tháng 07 năm 2023

Giữa

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI**

Và

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC**

SẢN Y BẢN CHÍNH

Ngày... tháng... năm 2000...



**TRƯỞNG BAN HÀNH CHÍNH  
NHÂN SỰ - PHÁP CHẾ**

*Phí Mạnh Hậu*

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC** số: *1207*/2023/HĐHT/BGI-IUC này (“**Hợp Đồng**”) được lập vào ngày *12* tháng *7*... năm 2023 giữa các bên sau đây:

**(A) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC**

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 3, tòa nhà Vinaconex 7, số 61, đường Nguyễn Văn Giáp, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giấy chứng nhận : Số 0104230537 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư ĐKDN thành phố Hà Nội cấp ngày 23/10/2009 (đăng ký lần đầu)

Đại diện hợp pháp : Ông Nguyễn Thành Công

Chức vụ : Tổng Giám đốc

*(Theo nghị quyết số 83/2020/UQ-IUC ngày 19/10/2020)*

(Trong Hợp Đồng này, Công ty cổ phần tập đoàn IUC được gọi tắt là “**Bên A**”).

**(B) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI**

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 3, tòa Vinaconex 7, số 61, đường Nguyễn Văn Giáp, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giấy chứng nhận : Số 0100105743 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư ĐKDN thành phố Hà Nội cấp ngày 19/02/2002 (đăng ký lần đầu)

Đại diện hợp pháp : Ông Hoàng Anh Tú

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

*(Theo giấy ủy quyền số 46A/2022/UQ-BGI ngày 01/03/2022)*

(Trong Hợp Đồng này, Công ty cổ phần tập đoàn BGI được gọi tắt là “**Bên B**”);

và

Trong Hợp Đồng này, Bên A và Bên B được gọi chung là “**Các Bên**” hoặc “**Hai Bên**” và gọi riêng là một “**Bên**”.

**CƠ SỞ KẾT LẬP HỢP ĐỒNG**

**CĂN CỨ VÀO:**

- (i) Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- (ii) Luật Đầu tư năm 2020;
- (iii) Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- (iv) Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014;
- (v) Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương;

- (vi) Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương.
- (vii) Hợp đồng Thực hiện Đầu tư dự án có sử dụng đất Khu đô thị Phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc Khu E – Đô thị mới An Vân Dương số 03/2020/HDDA giữa Sở Xây dựng Tỉnh Thừa Thiên Huế với Nhà đầu tư: liên danh Công ty cổ phần Tập đoàn IUC – Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông.
- (viii) Các Văn bản quy phạm pháp luật (như được định nghĩa dưới đây) có liên quan khác.

### **XÉT RẰNG:**

Bên A là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam, đang làm Chủ Đầu Tư và đang triển khai Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương (Dự Án), hiện Bên A đang có nhu cầu hợp tác để đầu tư, thực hiện Dự Án.

Bên B là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam, có tiềm lực tài chính và mong muốn hợp tác cùng với Bên A để đầu tư, thực hiện Dự Án.

### **NAY, VÌ VẬY:**

Các Bên cùng thoả thuận ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:

## **ĐIỀU 1.**

### **ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH**

#### **1.1 Định Nghĩa**

Trong Hợp Đồng này:

- a) “**Hợp Đồng**” có nghĩa là Hợp đồng hợp tác này bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- b) “**Bên A**” có nghĩa như quy định tại phần giới thiệu các bên tham gia Hợp Đồng này;
- c) “**Bên B**” có nghĩa như quy định tại phần giới thiệu các bên tham gia Hợp Đồng này;
- d) “**Bên Thứ Ba**” là bên/các bên không tham gia ký kết Hợp Đồng này;
- e) “**Chi Phí**” có nghĩa là tổng chi phí và phí tổn (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí khác có liên quan) đã phát sinh trước Ngày Ký Hợp Đồng và/hoặc sẽ phát sinh để thực hiện và xây dựng Dự Án được Các Bên phê duyệt tại từng thời điểm phù hợp với quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật;
- f) “**Dự Án**” có nghĩa là dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương như được định nghĩa và mô tả tại Khoản 2.2 Điều 2 của Hợp Đồng;

- g) “**Hồ Sơ Dự Án**” có nghĩa là các văn bản, tài liệu liên quan tới Dự Án do Các Bên lập, phê duyệt, ký kết để trình cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và/hoặc làm cơ sở để quyết định đầu tư, thực hiện Dự Án;
- h) “**Đồng**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đồng tiền chính thức của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- i) “**Ngày Ký Hợp Đồng**” có nghĩa là ngày Hợp Đồng này được ký bởi Các Bên tham gia Hợp đồng;
- j) “**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào trừ ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và những ngày được nghỉ Lễ, Tết tại Việt Nam theo quy định;
- k) “**Năm**” có nghĩa là năm dương lịch và được xác định là 365 (*ba trăm sáu lăm*) ngày;
- l) “**Tổng Mức Đầu Tư**” có nghĩa là toàn bộ chi phí để thực hiện Dự Án bao gồm các chi phí đầu tư, xây dựng theo quy định, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan mà Nhà đầu tư phải bỏ ra hoặc phải huy động để thực hiện Dự án;
- m) “**Lợi Nhuận của Dự Án**” có nghĩa là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác phát sinh từ Dự Án đưa lại, được xác định là khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí của Dự Án;
- n) “**Lợi Nhuận Sau Thuế của Dự Án**” có nghĩa là Lợi Nhuận của Dự Án sau khi trừ đi các khoản Thuế, phí và lệ phí liên quan;
- o) “**Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật**” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại Điều 4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), và nếu các Điều này được sửa đổi hoặc bổ sung, thì bao gồm cả các văn bản sau này được quy định là văn bản quy phạm pháp luật theo các văn bản sửa đổi hoặc bổ sung đó;

## 1.2 Giải Thích

- a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Khoản 1.1 Điều này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại;
- b) Bất cứ từ ngữ nào không được định nghĩa riêng, cụ thể trong Hợp Đồng này nhưng được định nghĩa bằng cách dẫn chiếu đến các điều khoản của Hợp Đồng thì sẽ được hiểu như được quy định tại các điều khoản đó;
- c) Bất cứ dẫn chiếu nào đến các điều khoản do pháp luật quy định sẽ bao gồm cả những quy định đó được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành lại, tùy từng thời điểm;
- d) Bất cứ dẫn chiếu nào đến bất cứ tài liệu nào thuộc Hợp Đồng này sẽ bao gồm tài liệu đó được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
- e) Các tiêu đề chỉ để nhằm cho việc tiện theo dõi và sẽ không ảnh hưởng đến nội dung và ý nghĩa của các điều khoản của Hợp Đồng này;

- f) Mọi từ ngữ, thuật ngữ đã được định nghĩa nếu được sử dụng bất cứ khi nào trong bất kỳ ngữ cảnh nào khác của Hợp Đồng này sẽ được hiểu theo sự định nghĩa đó;
- g) Trong trường hợp có sự không thống nhất hoặc đồng nhất về nội dung và ngôn ngữ sử dụng giữa Hợp Đồng và các Phụ lục, thì sẽ được giải thích theo nội dung và ngôn ngữ của Hợp Đồng, trừ khi có quy định khác tại Phụ lục.

## **ĐIỀU 2.**

### **MỤC TIÊU, PHẠM VI ĐẦU TƯ VÀ HÌNH THỨC, NGUYÊN TẮC HỢP TÁC**

#### **2.1 Mục Tiêu Đầu Tư**

Đầu tư, thực hiện Dự án để đảm bảo mục tiêu của Dự án:

- a) Cụ thể hoá và từng bước hoàn thiện đồ án quy hoạch chung Khu đô thị mới An Vân Dương nói chung và Khu E - Đô thị mới An Vân Dương nói riêng; góp phần làm thay đổi diện mạo khu vực thuộc địa bàn phường An Đông, thành phố Huế và xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- b) Hình thành khu đô thị mới với các thiết chế hạ tầng xã hội, đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân và nhu cầu thương mại dịch vụ của khu đô thị, hỗ trợ phát triển của khu E. Qua đó tạo doanh thu cho doanh nghiệp thực hiện dự án.
- c) Tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương lân cận xung quanh khu vực dự án, nhất là tạo công ăn việc làm cho người lao động trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành dự án.

#### **2.2. Phạm Vi Đầu Tư**

Các Bên thống nhất hợp tác đầu tư, thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương (“**Dự Án**”) thuộc phạm vi tỷ lệ của Bên A trong liên danh Nhà đầu tư. Thông tin về Dự án như sau:

- a) Tên Dự Án: Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương
- b) Địa điểm thực hiện Dự Án: Phường An Đông, thành phố Huế và xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế
- c) Chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần Tập đoàn IUC – Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông.
- d) Bên tham gia hợp tác đầu tư: Công ty cổ phần Tập đoàn BGI
- e) Tổng diện tích khu đất dự án khoảng 24,27 ha.
- f) Tổng Mức Đầu Tư của Dự Án tính đến thời điểm hiện tại: **2.158.040.430.000 đồng** (Hai nghìn một trăm năm mươi tám tỷ không trăm bốn mươi triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)
- g) Tình hình thực hiện Dự Án



Tiến độ dự án: Hiện nay dự án đã thực hiện xong hoạt động: khảo sát địa chất và địa hình, đo vẽ và xuất bản đồ địa chính, đánh giá tác động môi trường (DTM), hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Đang tiến hành các thủ tục để nhận bàn giao đất dự án cho Chủ đầu tư.

Sau khi thực hiện bàn giao đất, Công ty sẽ thực hiện khởi công xây dựng dự án.

Chủ đầu tư đã chi trả toàn bộ các chi phí tư vấn, bảo lãnh... với giá trị gần 9 tỷ đồng.

Chủ đầu tư đã hoàn thành nộp 11 tỷ tiền ngân sách nhà nước (M3) theo quy định của Hợp đồng thực hiện dự án.

Chủ đầu tư đã hoàn thành chi trả toàn bộ tiền giải phóng mặt với giá trị là: 40,3 tỷ đồng

**Bảng 1: Tiến độ thực hiện dự án hiện tại**

STT	Hạng mục dự án	Tình trạng triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành
1	Giải phóng mặt bằng	Đã thực hiện	Đã hoàn thành
2	Hạ tầng kỹ thuật	Chưa thực hiện (dự kiến 8/2023)	11/2024
3	Thượng tầng kỹ thuật	Chưa thực hiện (dự kiến 3/2024)	11/2026

- Hiện tại Công ty đang tiến hành lựa chọn nhà thầu thi công các gói thầu san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật, gói thầu cây xanh, gói thầu xây lắp nhà,... với giá trị khoảng 700 tỷ đồng. Theo tiến độ công việc thực hiện dự kiến trong tháng 8/2023, Chủ đầu tư sẽ thực hiện nhận bàn giao mặt bằng và tiến hành thực hiện dự án

### **2.3. Hình Thức và Nguyên Tắc Hợp Tác**

- Hình thức hợp tác đầu tư: theo hình thức thực hiện dự án đầu tư.
- Hai Bên hợp tác trên nguyên tắc thiện chí, bình đẳng, cùng có lợi, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Việc hợp tác được thiết lập và thực hiện trên nguyên tắc không thành lập pháp nhân mới.
- Hai Bên thống nhất mọi hoạt động kinh tế phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này được thực hiện hạch toán thông qua Bên A, Bên A là Bên đại diện Các Bên tham gia giao dịch với các bên liên quan khác.
- Các Bên cùng góp vốn, góp sức nhằm đầu tư, thực hiện Dự Án, cùng chịu trách nhiệm những nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc hợp tác trên cơ sở vốn góp và theo quy định tại Hợp Đồng này và Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật hiện hành.

## **ĐIỀU 3.**

### **GIÁ TRỊ, TIẾN ĐỘ, HÌNH THỨC GÓP VỐN HỢP TÁC**

#### **3.1 Giá Trị Góp Vốn**

- a) Hai Bên đồng ý rằng Bên B sẽ góp vốn bằng tiền với tổng giá trị là **480.452.780.000 VND** (Bốn trăm tám mươi tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng), tương đương với **22,26%** (hai hai phẩy hai sáu phần trăm) Tổng Mức Đầu Tư của Dự Án.

Phần vốn còn lại của Tổng Mức Đầu Tư của Dự Án sẽ do Bên A chịu trách nhiệm góp vốn và thu xếp từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật. Bên A được quyền chủ động thực hiện việc huy động vốn để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn tại từng thời điểm cụ thể của Dự Án.

- b) Vốn góp của Bên B chỉ được sử dụng vào mục đích đầu tư, thực hiện Dự Án.

### **3.2 Tiến Độ và Hình Thức Góp Vốn**

- Căn cứ tiến độ thực hiện Dự Án, quy định pháp luật có liên quan về huy động vốn, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Bên B chuyển tiền góp vốn bằng cách chuyển khoản vào Tài khoản của Bên A một đợt hoặc nhiều đợt theo thỏa thuận được quy định cụ thể tại các Phụ lục Hợp đồng này.
- Số tài khoản của Bên A nhận tiền góp vốn như sau:
  - Người thụ hưởng: Công ty cổ phần Tập đoàn IUC
  - Tài khoản số: 21110001707772
  - Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội

## **ĐIỀU 4.**

### **PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ THU HỒI VỐN GÓP**

#### **4.1 Phân Chia Lợi Nhuận và thu hồi vốn góp.**

Các Bên thỏa thuận rằng việc phân chia lợi nhuận và thu hồi vốn góp được xác định như sau:

- Bên B được hưởng 22,26% (tương ứng với tỷ lệ vốn góp trên Tổng Mức Đầu Tư của Dự Án) trên lợi nhuận dự án.

Thời điểm chia lợi nhuận: Ngày cuối cùng của năm tài chính. Năm tài chính được tính bắt đầu từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 của năm.

- Sau 36 tháng kể từ ngày góp đủ vốn (là thời gian Chủ đầu tư hoàn thành toàn bộ công tác đầu tư Hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại điều 5 của hợp đồng thực hiện đầu tư dự án số 03/2020/HĐDA), bên B được thanh toán lại giá trị vốn góp hợp tác theo tỷ lệ vốn góp trên doanh thu của dự án sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với nhà nước.

Thời điểm thu hồi vốn góp: Ngày cuối cùng của năm tài chính. Năm tài chính được tính bắt đầu từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 của năm.

#### **4.2 Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước**

Bên A sẽ chịu trách nhiệm hạch toán, kê khai và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan với Nhà nước.

## ĐIỀU 5.

### CƠ CHẾ KIỂM SOÁT, ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

#### 5.1. Ban Điều Hành

- a) Các Bên thống nhất Bên A sẽ đại diện cho Các Bên ra quyết định thành lập một Ban điều hành nhằm thực hiện và quản lý Dự Án cũng như giải quyết các công việc liên quan tới Hợp Đồng này ("**Ban Điều Hành**"), gồm 08 thành viên trong đó Bên B có quyền cử 03 thành viên. Trưởng Ban do Bên A chỉ định, Kế toán do Bên B chỉ định. Chi phí hoạt động của Ban Điều Hành được tính vào chi phí của Dự án.
- b) Ban Điều Hành họp định kỳ hàng tháng một lần và họp đột xuất theo yêu cầu và tiến độ của Dự Án tại địa điểm do Các Bên thông báo và thống nhất. Trường hợp thành viên đại diện của một Bên không tham gia được cuộc họp của Ban Điều Hành thì Bên đó có trách nhiệm ủy quyền cho một người khác tham dự cuộc họp.
- d) Trước khi đưa ra ý kiến tại cuộc họp Ban Điều Hành, thành viên đại diện cho mỗi Bên hoặc người được ủy quyền phải có trách nhiệm xin ý kiến của cấp có thẩm quyền quyết định của mỗi Bên liên quan tới nội dung thông qua tại cuộc họp đó. Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác, Các Bên thống nhất rằng ý kiến của thành viên đại diện hoặc người được ủy quyền tham gia cuộc họp Ban Điều Hành nếu đã được thống nhất thì mỗi Bên phải chấp nhận cho dù thành viên đại diện hoặc người được ủy quyền của thành viên đại diện chưa xin ý kiến hoặc quyết định trái với ý kiến của cấp có thẩm quyền quyết định của mỗi Bên.
- e) Quyết định của Ban Điều Hành được thông qua theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không đạt được đa số đồng thuận của thành viên Ban Điều Hành thì quyết định của Trưởng Ban sẽ là quyết định cuối cùng. Nếu cần thiết Trưởng Ban có thể quyết định thuê một tổ chức hoặc cá nhân có chuyên môn để tư vấn theo hướng phù hợp và đạt hiệu quả cao nhất. Chi phí thuê chuyên gia được tính vào chi phí của Dự Án. Trưởng Ban chịu trách nhiệm trước Ban Điều Hành và các cấp có thẩm quyền về quyết định của mình.
- f) Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác đi, Bên A sẽ chuẩn bị các tài liệu cần thiết và có liên quan cho cuộc họp Ban Điều Hành bằng cách gửi trước cho Bên B một khoảng thời gian họp lý trước mỗi cuộc họp.

#### 5.2 Chức Năng, Nhiệm Vụ Của Ban Điều Hành

- a) Thông qua bất kỳ văn bản, tài liệu, nội dung nào của Hồ Sơ Dự Án trước khi trình cấp có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết hoặc phê duyệt.
- b) Thông qua các thỏa thuận, hợp đồng với bất kỳ nhà thầu, tổ chức, cá nhân nào trong quá trình thực hiện Dự Án mà các thỏa thuận, hợp đồng đó sẽ dẫn tới việc phải thanh toán Chi Phí.
- c) Phê duyệt các tài liệu, thông qua các quyết định và xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình đầu tư, thực hiện Dự Án.
- d) Phê duyệt chấp thuận các hồ sơ thanh toán Chi Phí.

- e) Định kỳ hoặc đột xuất xem xét, thống nhất việc phân chia Chi Phí, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác cho mỗi Bên để làm cơ sở thực hiện và theo dõi, quản lý.
- f) Xem xét, quyết định, thông qua hoặc giải quyết các vấn đề theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc liên quan tới việc thực hiện Hợp Đồng này hoặc theo yêu cầu của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật.
- g) Các chức năng nhiệm vụ khác được Hai Bên thống nhất ủy quyền hoặc giao cho Ban Điều Hành phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của Dự Án từng thời điểm.

## **ĐIỀU 6.**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

#### **6.1 Quyền, Nghĩa Vụ Chung Của Các Bên**

- a) Đảm bảo rằng việc ký kết Hợp Đồng này là hoàn toàn phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- b) Các Bên cam kết đã thực hiện tất cả các thủ tục nội bộ cần thiết theo quy định của pháp luật để ký kết Hợp Đồng này.
- c) Cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin cần thiết và có liên quan cho nhau để cùng hợp tác thực hiện Dự Án và Hợp Đồng này.
- d) Tuân thủ tất cả các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và văn bản hành chính, các quy định về đầu tư, xây dựng, đấu thầu, cho vay và quản lý ngoại hối liên quan tới Dự Án và Hợp Đồng này.
- e) Có quyền và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng này và Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật.

#### **6.2 Trách Nhiệm Của Bên A**

- a) Lưu giữ đầy đủ Hồ Sơ Dự Án, các hồ sơ, chứng từ liên quan tới Chi Phí và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan tới Dự Án và Hợp Đồng này. Chịu trách nhiệm trong trường hợp các hồ sơ, tài liệu bị thất lạc, rách, bị hủy hoại.
- b) Giám sát và phối hợp cùng với Bên B để đầu tư, thực hiện Dự Án một cách có hiệu quả nhất.
- c) Thanh toán lợi nhuận và vốn góp đầy đủ và đúng hạn cho Bên B như được quy định tại Hợp đồng này trong quá trình hợp tác.
- d) Bên A sẽ chịu trách nhiệm hạch toán, kê khai và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan với Nhà nước.
- e) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật.

#### **6.3 Trách Nhiệm Của Bên B**

- a) Đảm bảo nguồn gốc hợp pháp của nguồn tiền dùng để góp vốn, đảm bảo tiến độ góp vốn theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

- b) Cùng với Bên A thực hiện vai trò của Nhà đầu tư Dự Án.
- c) Chuyển tiền góp vốn đúng thời hạn đã cam kết.
- d) Phối hợp với Bên B để thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản tiền hợp tác.
- e) Được nhận vốn góp và lợi nhuận hợp tác nêu tại điều 4 của Hợp đồng này.
- f) Trường hợp Bên B muốn chuyển một phần quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng này cho Bên Thứ Ba, hoặc chỉ định các công ty con của Bên B tham gia thực hiện một phần quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng, thì phải được Bên A chấp thuận trước bằng văn bản.
- g) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận trong Hợp Đồng này và quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật.

## **ĐIỀU 7.**

### **THUẾ, LỆ PHÍ,**

#### **PHÁP NHÂN ĐẠI DIỆN VÀ HẠCH TOÁN DỰ ÁN**

- 7.1. Các loại thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có) liên quan đến việc thực hiện Dự Án sẽ được hạch toán vào chi phí đầu tư của Dự Án.
- 7.2. Pháp nhân đại diện và hạch toán Dự Án
  - a) Ngoại trừ các tài liệu mà Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật hoặc Tổ chức/Cá nhân khác có yêu cầu Các Bên phải cùng ký kết, Các Bên thống nhất rằng Bên A sẽ đại diện và nhân danh cho Các Bên ký kết các văn bản, hợp đồng, thỏa thuận, báo cáo liên quan tới việc thực hiện Dự Án.
  - b) Trừ trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có quy định khác hoặc Cơ quan quản lý thuế có hướng dẫn khác, Các Bên thống nhất rằng Bên A sẽ đại diện cho Các Bên đứng tên trên các hóa đơn, chứng từ để ghi nhận Chi Phí và các khoản thuế có liên quan đến Dự Án. Bên A là pháp nhân thực hiện kế toán và quyết toán thuế đối với hoạt động đầu tư phát sinh từ Dự Án.
  - c) Bên A đại diện cho Các Bên trong việc giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện liên quan tới việc thực hiện Dự Án và các hoạt động hợp tác chung với tổ chức, cá nhân khác. Để tránh hiểu nhầm, Các Bên sẽ cùng nhau giải quyết, hỗ trợ giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, cùng xác định nghĩa vụ và cùng gánh chịu rủi ro từ việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện theo tỷ lệ vốn góp.

## **ĐIỀU 8.**

### **CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

#### **8.1 Chấm Dứt Hợp Đồng**

Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Các Bên đã hoàn thành các quyền và nghĩa vụ của mình theo thoả thuận trong Hợp đồng;

b) Chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Khoản 8.2 Điều này.

## **8.2 Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Thời Hạn**

Hợp Đồng này chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- a) Các Bên thoả thuận bằng văn bản về việc chấm dứt trước thời hạn.
- b) Một trong Các Bên bị toà án tuyên bố phá sản hoặc bị giải thể.
- c) Xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 12 Hợp Đồng này.
- d) Bên B vi phạm nghĩa vụ góp vốn mà Các Bên không thống nhất được giải pháp xử lý.
- e) Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán như được quy định tại Điều 4 Hợp đồng này.
- f) Bên A sử dụng vốn sai mục đích, thiếu trung thực trong các báo cáo, thực hiện không đúng các quy định giữa các bên theo Hợp Đồng hoặc Dự án bị tạm dừng hoặc vi phạm pháp luật (nếu có).
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

### **8.3. Xử lý trong trường hợp Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Thời Hạn:**

Trường hợp phải chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Các Bên được quy định tại Mục (d) và Mục (e) Khoản 8.2 Điều này, Bên vi phạm phải hoàn tất các nghĩa vụ đối với Bên bị vi phạm được quy định tại Hợp đồng này.

Trong các trường hợp còn lại được quy định tại Khoản 8.2 Điều này, Hai Bên sẽ thảo luận về phương án hoàn trả tiền góp vốn và phân chia lợi nhuận bằng một văn bản khác.

## **ĐIỀU 9.**

### **PHẠT CHẬM THANH TOÁN**

**9.1** Trong trường hợp Bên B chậm chuyển tiền góp vốn theo quy định tại Khoản 3.2 Điều 3 Hợp Đồng này, Bên B phải chịu phạt số tiền được tính bằng 150% Mức lãi suất cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền chậm góp vốn và thời gian chậm chuyển tiền.

Bên A có quyền khấu trừ tiền phạt vào khoản Lợi Nhuận được thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4 Hợp Đồng này.

Việc áp dụng tiền phạt không giải phóng trách nhiệm thực hiện Hợp Đồng của Bên B. Bên B ngoài việc bị phạt chậm chuyển tiền còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh do việc chậm góp vốn gây ra cho Bên A.

**9.2** Trường hợp Bên A chậm thanh toán Lợi Nhuận và vốn góp cho Bên B được quy định tại Hợp đồng này thì Bên A phải chịu phạt số tiền bằng 150% Mức lãi suất cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán.

## ĐIỀU 10.

### XỬ LÝ

**10.1** Bên A có nghĩa vụ hoàn trả số vốn góp của Bên B theo quy định tại điều 4 của hợp đồng. Nếu quá thời hạn trên, Bên A phải chịu phạt số tiền bằng 150% lãi suất cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán.

Thời gian chậm thanh toán tối đa không quá 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày bên A có nghĩa vụ hoàn trả vốn góp của Bên B.

Nếu quá thời hạn trên Bên B có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền yêu cầu Bên A hoàn trả tiền góp vốn và bồi thường thiệt hại cho Bên B theo quy định của pháp luật.

**10.2** Trường hợp Bên B không khởi kiện Bên A như quy định tại Khoản 10.1 Điều này thì Bên B có quyền lựa chọn một trong các phương án giải quyết như sau:

- (a) Hợp đồng hợp tác sẽ giữ nguyên hiệu lực cho đến khi Bên A hoàn trả số tiền góp vốn cùng với các khoản lợi nhuận và các khoản phạt chậm thanh toán (nếu có) cho Bên B.
- (b) Xử lý tài sản của Dự Án để thanh toán cho Bên B: Căn cứ vào hiện trạng tài sản của Dự Án, sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ tài chính với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người lao động, các tổ chức tín dụng, số tiền thu về từ việc xử lý tài sản của Dự Án sẽ được ưu tiên thanh toán cho Bên B.
- (c) Hai Bên bàn bạc, thống nhất tìm kiếm một phương án giải quyết khác phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo quyền lợi cho cả Hai Bên tại thời điểm đó.

Phương án giải quyết được lựa chọn sẽ được lập thành Phụ lục Hợp đồng này.

## ĐIỀU 11.

### BẢO MẬT THÔNG TIN

**11.1** Hai Bên cam kết rằng các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan do một Bên cung cấp cho Bên kia và/hoặc Hai Bên sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ bên nào khác. Hai Bên phải tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo mật các thông tin, tài liệu đó; và chỉ được tiết lộ theo quy định nội bộ của mỗi Bên, theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở quy định pháp luật và/hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại.

**11.2** Trong quan hệ với bên khác có liên quan đến Hợp đồng này, Hai Bên sẽ thỏa thuận rõ về các thông tin cần được tiết lộ; các thông tin không được tiết lộ sẽ được giữ kín và thực hiện theo các quy định trong Hợp đồng này.

**11.3** Trong trường hợp do thông tin, tài liệu bị một bên tiết lộ gây ảnh hưởng bất lợi cho việc thực hiện Dự Án hoặc quyền lợi của bên kia thì bên tiết lộ phải bồi thường cho bên kia phù hợp với quy định của pháp luật.

## ĐIỀU 12.

### SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 12.1 Sự Kiện Bất Khả Kháng có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào xảy ra một cách khách quan và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Hai Bên, mà không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Sự Kiện Bất Khả Kháng bao gồm nhưng không giới hạn động đất, sóng thần, sạt lở, bão, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, thay đổi chính sách hay quy hoạch hoặc quyết định khác của cơ quan Nhà nước mà trước đó Hai Bên chưa có cơ sở xác định, và làm cản trở việc thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng này của mỗi Bên ("**Sự Kiện Bất Khả Kháng**").
- 12.2 Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng. Khi đó, Hai Bên sẽ thỏa thuận về phương thức và cơ chế giải quyết cụ thể.

## ĐIỀU 13.

### THÔNG BÁO

- 13.1. Trừ khi có quy định rõ ràng khác đi trong Hợp đồng này, tất cả các thông báo, thư từ trao đổi, yêu cầu, chấp thuận và các thông tin khác được đưa ra theo Hợp đồng này (sau đây gọi là "**Thông Báo**") của bất kỳ Bên nào (sau đây gọi là "**Bên Gửi**") gửi cho Bên còn lại của Hợp đồng (sau đây gọi là "**Bên Được Gửi**") phải lập thành văn bản, được ký bởi những người đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên và được gửi theo ít nhất một trong các hình thức sau: (i) chuyển phát nhanh bằng đường bưu điện; (ii) giao tận tay tới địa chỉ của Bên Được Gửi được ghi cụ thể tại Hợp đồng này; (iii) fax; hoặc (iv) email tới những người được chỉ định của mỗi Bên. Tuy nhiên, mọi hồ sơ phục vụ cho việc thanh toán qui định tại Hợp đồng phải được gửi theo cách thức (i) và/hoặc (ii) nêu trên để đảm bảo Bên A nhận được bản gốc. Việc gửi qua fax và/hoặc email chỉ được coi là gửi trước để kiểm tra chứ không có giá trị để thanh toán.

Địa chỉ liên hệ của Các Bên: Theo quy định tại phần thông tin Các Bên tại phần đầu của Hợp Đồng.

- 13.2 Mọi Thông Báo được coi là Bên Được Gửi đã nhận được vào thời điểm: (i) có xác nhận đã gửi của hãng chuyển phát nhanh, nếu gửi bằng chuyển phát nhanh; (ii) ghi trên biên bản giao nhận, nếu giao tận tay, (iii) theo như xác nhận của hệ thống về việc fax thành công, nếu gửi bằng fax, trừ gửi hồ sơ thanh toán; hoặc (iv) theo như xác nhận của email về việc email thành công, nếu gửi bằng email, trừ gửi hồ sơ thanh toán.
- 13.3 Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên kia bất kỳ thay đổi nào về địa chỉ, số điện thoại trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày thay đổi.

## ĐIỀU 14.

### LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 14.1 Hợp Đồng này được điều chỉnh và diễn giải theo quy định của luật pháp Việt Nam.



- 14.2 Mọi tranh chấp phát sinh từ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này được Hai Bên giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Nếu việc thương lượng, hòa giải không thành trong thời hạn 45 ngày, Hai Bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Bản án, Quyết định có hiệu lực của tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc Hai Bên.

## ĐIỀU 15.

### HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 15.1 Hợp Đồng này có giá trị pháp lý ràng buộc Hai Bên và (các) Bên thừa kế, tiếp nhận, nhận chuyển nhượng của Hai Bên (nếu có). Mọi thay đổi về nhân sự, cơ cấu tổ chức nội bộ, người đại diện theo pháp luật của Hai Bên không ảnh hưởng tới hiệu lực pháp lý của Hợp Đồng này.
- 15.2 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và Bên A nhận được khoản tiền Góp Vốn đầu tiên của Bên B theo quy định của Hợp Đồng. Hợp Đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh bằng văn bản. Các văn bản thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Hợp Đồng này (nếu có) là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng và ràng buộc trách nhiệm đối với Hai Bên.
- 15.3 Trong trường hợp một hoặc một số nội dung của Hợp Đồng này bị vô hiệu theo quy định của pháp luật, thì các phần còn lại vẫn có giá trị pháp lý, Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện. Hai Bên sẽ sửa đổi lại các nội dung vô hiệu cho phù hợp với pháp luật, ý chí của Hai Bên và những nguyên tắc cơ bản của Hợp Đồng này.
- 15.4 Hợp Đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 8 Hợp Đồng này và khi Hai Bên thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm trong Hợp Đồng và ký kết Biên bản Thanh lý Hợp đồng.
- 15.5 Hợp Đồng này (và các Phụ lục kèm theo) là thỏa thuận toàn vẹn, đầy đủ và có hiệu lực cao nhất giữa Các Bên.
- Phụ lục kèm theo Hợp đồng bao gồm: Hồ sơ pháp lý của Dự Án.
- 15.6 Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

**ĐỀ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY**, đại diện hợp pháp của Các Bên đã cùng nhau ký kết Hợp Đồng này vào ngày được nêu tại phần giới thiệu Các Bên tham gia Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thành Công

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Hoàng Anh Tú

## THỎA THUẬN LIÊN DANH

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC**

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động: Việt Nam
- Mã số thuế: 0104230537
- Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Vinaconex 7, số 61, đường Nguyễn Văn Giáp, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0243 782 3232
- Fax: 0243 783 1212
- Email: iucgroup.vn@gmail.com
- Người đại diện theo pháp luật: NGUYỄN THỊ HOÀI THU
- Chức vụ: Giám đốc

**Tên thành viên liên danh thứ hai: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3**

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động: Việt Nam
- Mã số thuế: 0101311837
- Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0243 756 0333
- Fax: 0243 756 0332
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật: ĐẶNG MINH HUỆ
- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

### Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án **Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương.**

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: Liên danh **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC và CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3.**

Tên viết tắt của liên danh: IUC – VC3.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh: Tầng 3, tòa nhà Vinaconex 7, số 61, đường Nguyễn Văn Giáp, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 782 3232

Fax: 0243 783 1212

Email: iucgroup.vn@gmail.com

Người đại diện của Liên danh: NGUYỄN THỊ HOÀI THU

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án này.

## Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng;

- CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC chịu trách nhiệm thu xếp toàn bộ vốn vay của dự án theo yêu cầu của HSMT;

- CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho liên danh CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC và CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên trong liên danh:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị (VNĐ)	Tỉ lệ %
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC	Kỹ thuật, tài chính	256.500.000.000	90%
2	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3	Kỹ thuật	28.500.000.000	10%
Tổng			285.000.000.000	100%

## Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;
- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;
- Liên danh không trùng thầu;
- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư của dự án theo thông báo của Bên mời thầu;
- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng dự án.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành 09 bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ 04 bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC**



**NGUYỄN THỊ HOÀI THU**  
 Chức vụ: Giám đốc

*Dan* **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3**



**ĐẶNG MINH HUỆ**  
 Chức vụ: Tổng Giám đốc



**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày.....tháng.....năm 200....



**HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN**  
**SỐ: 212 /2020/HĐUQ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*Nguyễn Thị Hoài Thu*

**DỰ ÁN: Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế**

**Giữa**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**  
**(NAM MEKONG GROUP)**

**Và**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC**  
**(IUC GROUP)**

## PHẦN A - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

- Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Luật Đấu thầu năm 2013
- Luật Đầu tư năm 2014;
- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014;
- Luật Nhà ở năm 2014;
- Các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật quy định trên;
- Căn cứ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 63/2020/HĐHTĐT/IUC-VC3 ngày 3/4/2020 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn IUC và Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 về việc hợp tác đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Biên bản họp của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông ngày 23/12/2020;
- Biên bản họp của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn IUC ngày 20/10/2020.

## PHẦN B - CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG:

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN này được ký kết ngày 23 tháng 12 năm 2020 (sau đây viết tắt là "Hợp đồng") giữa các bên dưới đây:

### 1. BÊN ỦY QUYỀN

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0101311837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/9/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17/11/2020.

Điện thoại: 0243 756 0333

Fax: 0243 756 0332

Tài khoản số: 0511012888055 tại Ngân hàng TMCP An Bình, CN Hà Nội  
Người đại diện theo pháp luật: **ĐẶNG MINH HUỆ**

Chức vụ: Tổng giám đốc

(Sau đây gọi là **Bên A**)

## 2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, toà nhà Vinaconex 7, số 61, đường Nguyễn Văn Giáp, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0104230537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/10/2009 (đăng ký lần đầu)

Điện thoại: 02437823232 Fax: 02437831212

Tài khoản số: 0901000055666 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nam

Người đại diện theo pháp luật: NGUYỄN THỊ HOÀI THU

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

*(Sau đây gọi là Bên B)*

*Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng này với nội dung của các điều khoản cụ thể như sau:*

### **Điều 1. CĂN CỨ ỦY QUYỀN**

Bên A và Bên B là các thành viên trong Liên danh Nhà đầu tư tham gia dự thầu dự án đầu tư có sử dụng đất: Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "**Dự án**"). Bên A và Bên B đã được phê duyệt là Nhà đầu tư Dự án theo Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất. Nhà đầu tư sẽ ký kết Hợp đồng thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất với Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng Dự án**").

### **Điều 2. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI ỦY QUYỀN**

**I). Bên A ủy quyền cho Bên B được quyền thay mặt và nhân danh Bên A, được toàn quyền đại diện Liên danh Nhà đầu tư quyết định và thực hiện các nội dung, các công việc sau đây:**

1. Bên B toàn quyền quyết định và thực hiện mọi thủ tục, ký kết tất cả các hồ sơ, tài liệu cần thiết có liên quan để huy động vốn thực hiện Dự án, dưới các hình thức quy định dưới đây:

- a. Vay ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác;
- b. Huy động vốn từ tiền mua, tiền thuê mua, tiền thuê nhà ở trả trước theo hợp đồng mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai theo đúng quy định pháp luật;

c. Vốn huy động thông qua hình thức góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật;

d. Huy động vốn bằng các hình thức hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên B sử dụng tài sản của mình để thế chấp và toàn quyền quyết định và thực hiện mọi thủ tục, ký kết tất cả các hồ sơ, tài liệu cần thiết có liên quan để ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cấp các loại bảo lãnh, cấp tín dụng dưới các hình thức khác để thực hiện Dự án.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, Bên B có toàn quyền quyết định và tự mình ký kết hồ sơ: Cầm cố, thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm một phần hoặc toàn bộ quyền của Nhà đầu tư theo Hợp đồng Dự án; Cầm cố, thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm một phần hoặc toàn bộ Dự án; Cầm cố, thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm các tài sản hình thành từ Dự án tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác để vay vốn, để được bảo lãnh và được cấp tín dụng dưới hình thức khác để thực hiện Dự án. Bên B chịu trách nhiệm trước Pháp luật về sử dụng nguồn tín dụng, sử dụng đúng mục đích, theo đúng quy định của Pháp luật.

4. Bố trí vốn phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nộp tiền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ khác về tài chính với Nhà nước; Thu xếp nguồn vốn để thực hiện Dự án theo thỏa thuận trong Hợp đồng Dự án;

5. Nhận bàn giao khu đất của Dự án đã được giải phóng mặt bằng; nhận bàn giao mặt bằng khu vực Dự án;

6. Chọn ngày khởi công xây dựng; Lập bảng tiến độ thực hiện đầu tư Dự án chi tiết, kể cả chỉnh sửa theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Sửa đổi, điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án, gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thực hiện đầu tư Dự án và thương thảo với Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế, báo cáo, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt/chấp thuận;

7. Thực hiện Dự án theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản, nhà ở, đất đai, thuế...

8. Tổ chức việc lựa chọn nhà thầu và đàm phán, thương thảo, ký kết hợp đồng với nhà thầu (bao gồm cả tổng thầu, nhà thầu chính, nhà thầu phụ): Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn khảo sát xây dựng; Tư vấn thiết kế xây dựng; Thi công xây dựng; Tư vấn giám sát xây dựng; Tư vấn quản lý dự án; Cung cấp hàng hóa, máy móc, thiết bị và hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình đảm bảo theo quy định pháp luật;



9. Tổ chức lập quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Nhà đầu tư/Chủ đầu tư hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng; Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và trình thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

10. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình nhà ở và công trình khác trên đất theo quy hoạch và Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Lập hồ sơ hoàn thành công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức nghiệm thu và bàn giao quản lý theo quy định; Tổ chức nghiệm thu công trình/hạng mục công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; Lập hồ sơ hoàn thành Dự án;

11. Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Dự án; Chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có các công trình hạ tầng kỹ thuật; Thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở và bất động sản khác, kinh doanh quyền sử dụng đất thuộc Dự án; Ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán, hợp đồng cho thuê, hợp đồng cho thuê mua nhà ở và công trình xây dựng khác thuộc Dự án; Tổ chức kinh doanh sản phẩm thuộc Dự án và khai thác Dự án; Bàn giao nhà ở và các giấy tờ liên quan đến nhà ở giao dịch cho khách hàng;

12. Phát hành hóa đơn/chứng từ, ghi nhận doanh thu, hạch toán chi phí và kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật;

13. Thanh toán, quyết toán, thanh lý các hợp đồng với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Dự án;

14. Xác định lợi nhuận của Dự án và hưởng lợi nhuận của Dự án theo thỏa thuận của hai bên. Quyết toán Dự án và thanh lý Hợp đồng Dự án theo quy định của pháp luật;

15. Bên B toàn quyền quyết định mọi khoản thu cũng như khoản chi liên quan đến Dự án;

16. Đại diện Liên danh Nhà đầu tư, toàn quyền quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Nhà đầu tư theo Hợp đồng Dự án và theo quy định của pháp luật.

II). Khi thực hiện công việc trong phạm vi và nội dung ủy quyền, Bên B được quyền thay mặt và nhân danh Bên A, được toàn quyền đại diện Liên danh Nhà

đầu tư: Liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tiến hành các thủ tục về các hành vi đã được ủy quyền; Nộp và nhận hồ sơ; Lập văn bản; Ký trên các giấy tờ, văn bản, hợp đồng liên quan đến nội dung ủy quyền nêu tại mục I) nêu trên (bao gồm cả việc hủy bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung những giấy tờ, văn bản, hợp đồng đã ký kết); Được nộp, nhận các khoản tiền và lợi ích khác, được chi trả chi phí liên quan đến Dự án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; Bên B được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật.

### Điều 3. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày ký Hợp đồng này cho đến khi Bên được ủy quyền thực hiện hoàn thành toàn bộ các công việc, nội dung được ủy quyền.

### Điều 4. CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

1. Bên A cam kết và bảo đảm rằng:

- Không có bất kỳ một khiếu nại, khiếu kiện gì về mọi hành vi do Bên B thực hiện trong nội dung và phạm vi ủy quyền;
- Không ký bất kỳ một hợp đồng/văn bản ủy quyền nào khác về nội dung ủy quyền quy định tại Hợp đồng này cho bất kỳ một bên thứ ba nào khác ngoài Bên B;
- Không đơn phương chấm dứt việc ủy quyền theo quy định tại Hợp đồng này.

2. Bên B cam kết thực hiện đúng nội dung ủy quyền theo Hợp đồng này. Bên B cam kết chuyển lại cho bên A tất cả các biên bản, giấy tờ giao dịch với các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện đầu tư dự án.

Hợp đồng ủy quyền này được lập thành 04 (bốn) bản chính, có giá trị pháp lý như nhau, trong đó Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản. Hợp đồng ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký.



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Dặng Minh Huệ*

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
*Nguyễn Thị Hoài Thu*

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

*Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023*

Số: 01.2/2023/NQ-ĐHĐCĐ

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn IUC;*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/6/2023.*

**QUYẾT NGHỊ**

**Thông qua quyết định hợp tác đầu tư có giá trị trên 35% tổng tài sản và chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan, cụ thể như sau:**

Stt	Loại giao dịch	Đối tượng	Giá trị	Thời gian thực hiện dự kiến
1	Đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc khu E – Khu đô thị mới An Vân Dương thông qua hình thức Hợp tác đầu tư	Công ty cổ phần Tập đoàn BGI	480.452.780.000	Trong năm 2023

Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Tập đoàn IUC và Công ty cổ phần BGI để triển khai thực hiện nội dung nêu trên. Ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Công, chức vụ: Tổng giám đốc, căn cứ quy định nêu trên, nhân danh Công ty cổ phần Tập đoàn IUC thực hiện các nội dung sau:

- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của giao dịch/hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến kế hoạch đầu tư, kế các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các văn bản/giao dịch đó (nếu có) và

- Ký kết, tổ chức thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Tập đoàn BGI.

Tỷ lệ phiếu biểu quyết:

100% tán thành; 0% không tán thành; 0% không có ý kiến.



Nghị quyết này được thông qua toàn văn nội dung nêu trên với tỷ lệ biểu quyết là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Hoài Thu



**BẢN SAO**

UBND THÀNH PHỐ HUẾ  
**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Huế, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Số: 3593 /TTPTQĐ-GPMB

V/v xác nhận hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng thuộc dự án đầu tư có sử dụng đất Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương tại phường An Đông, thành phố Huế.

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tài chính Thừa Thiên Huế;
- Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND Tỉnh ban hành quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Huế;

Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất Khu đô thị

UBND TỈNH ĐỒNG HỚI  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
Số tháng 12 năm 2022 Quyển số: SCT/BS  
Ngày: 16-06-2023  
CÔNG CHUNG VIỆN  
Lai Hồng Khánh

phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương tại phường An Đông, thành phố Huế;

Căn cứ Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Khu Đô thị mới An Vân Dương;

Căn cứ Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của UBND Thành phố về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - Khu Đô thị mới An Vân Dương tại phường An Đông, thành phố Huế;

Căn cứ Công văn số 3696/UBND-QHXT ngày 15/4/2022 của UBND Tỉnh về việc quy mô thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương - Thuận An thuộc Khu E - Đô thị mới An Vân Dương tại phường An Đông, thành phố Huế;

Căn cứ Công văn số 10645/UBND-NĐ ngày 25/11/2020 của UBND Tỉnh về việc liên quan đến giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư tại khu đô thị mới An Vân Dương;

Căn cứ Công văn số 361/TTg-NN ngày 20/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện 08 công trình, dự án trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH tư vấn Đầu tư và Xây dựng AIP lập năm 2022.

UBND thành phố Huế ban hành các Thông báo và các Quyết định:

- Thông báo thu hồi đất số 127/TB-UBND ngày 23/05/2022 về việc thu hồi đất giai đoạn 1 với diện tích: **124.604,5 m<sup>2</sup>**.

- Thông báo thu hồi đất số 299/TB-UBND ngày 29/09/2022 về việc thu hồi đất giai đoạn 2 với diện tích: **13.901,2 m<sup>2</sup>**.

Tổng diện tích thu hồi của hai đợt là: **138.505,7m<sup>2</sup>(13,85ha)** UBND thành phố Huế đã ban hành các Quyết định phê duyệt:

- Quyết định số 5575/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ có tổng giá trị: **21.075.943.000 đồng**.

- Quyết định số 6433/QĐ-UBND ngày 25/08/2022 về việc phê duyệt chi phí cho tổ chức GPMB: **325.167.000 đồng**.

- Quyết định số 7049/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: **764.326.000 đồng** (trong đó chi phí cho tổ chức thực hiện GPMB là: **14.987.000 đồng**).

- Quyết định số 8753/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân: **930.003.000 đồng** (trong đó chi phí cho tổ chức thực hiện GPMB chưa phê duyệt).



Như vậy, đến thời điểm hiện nay UBND thành phố Huế đã thực hiện việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường toàn bộ diện tích đất của dự án là **138.505,7m<sup>2</sup>(13,85ha)** với tổng số tiền đền bù: **23.095.439.000 đồng (Hai mươi ba tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng)**

Chủ đầu tư đã chuyển đủ toàn bộ số tiền trên và hiện nay Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện xong việc chi trả tiền và trao Quyết định thu hồi đất cho các hộ gia đình, cá nhân.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Huế xác nhận diện tích đất đã hoàn thành công tác GPMB với diện tích: **138.505,7m<sup>2</sup>(13,85ha)**. Trong đó:

- Diện tích đất trồng Lúa nước (LUA) : 109.418,2 m<sup>2</sup>.
- Diện tích đất trồng cây hằng năm (BHK): 4.077,3 m<sup>2</sup>.
- Diện tích đất UBND phường An Đông quản lý: (đợt 1) 15.714,8m<sup>2</sup> + (đợt 2) 9295,4m<sup>2</sup> = 25.010,2 m<sup>2</sup>.
- Diện tích đất công ích của phường không có.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Huế xác nhận đề Chủ đầu tư lập các thủ tục thu hồi và giao đất theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND thành phố Huế (báo cáo);
- Lưu: VT, HS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Bùi Ngọc Chánh**



Số: 04/GXN-TTPTQĐ

Hương Thủy, ngày 31 tháng 3 năm 2023

**GIẤY XÁC NHẬN**

Về việc hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc khu E – Khu đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

**Kính gửi:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh;
- Sở Xây dựng tỉnh;

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

CHỦ TỊCH HỒ BẢO SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số hồ sơ: ..... Quyển số: ..... SC7/BS

Ngày: 28/7/2023  
16-06-2023

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng và mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Đ: 113  
VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
LẠI KHÁNH  
ĐỒNG - T.P HƯƠNG THỦY

Căn cứ Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế;

CÔNG CHỨNG VIÊN  
Lại Hồng Khanh

Căn cứ Thông báo số 88/TB-UBND ngày 16/5/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc khu E – Đô thị mới An Vân Dương; Thông báo số 169/TB-UBND ngày 07/9/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc khu E – Đô thị mới An Vân Dương (bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá



nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của các hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu Đô Thị Phía Đông Đường Thủy Dương – Thuận An Thuộc Khu E, Đô Thị Mới An Vân Dương Tại Xã Thủy Thanh, Thị Xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Huế (Đợt 2); Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của các hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu Đô Thị Phía Đông Đường Thủy Dương – Thuận An Thuộc Khu E, Đô Thị Mới An Vân Dương Tại Xã Thủy Thanh, Thị Xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Huế (Đợt 3); Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 4); Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 5); Quyết định số 4002/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 6) và Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc phê duyệt Phương án điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu Đô Thị Phía Đông Đường Thủy Dương – Thuận An Thuộc Khu E, Đô Thị Mới An Vân Dương Tại Xã Thủy Thanh, Thị Xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Huế (Đợt 2); Quyết

3: 17  
IN PH  
NG CH  
AI KHẢ  
NG - T

định số 2669/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu Đô Thị Phía Đông Đường Thủy Dương – Thuận An Thuộc Khu E, Đô Thị Mới An Vân Dương Tại Xã Thủy Thanh, Thị Xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Huế (Đợt 3); Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 4); Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 5); Quyết định số 4001/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thị xã Hương Thủy về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 6);

Căn cứ Biên bản nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các hộ gia đình có đất bị thu hồi thuộc Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy;

Căn cứ Bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm xúc tiến và tư vấn đầu tư, dịch vụ việc làm thuộc Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế lập ngày 26/7/2022,

Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Hương Thủy xác nhận đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng diện tích: **104.215,0 m<sup>2</sup>** đối với dự án Khu đô thị phía Đông đường Thủy Dương – Thuận An, thuộc khu E – đô thị mới An Vân Dương tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy.

*(Có Bảng tổng hợp danh sách kèm theo)*

Giấy xác nhận này là cơ sở để Sở Xây dựng tỉnh thực hiện thủ tục xin giao đất, thuê đất để triển khai thực hiện dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTPTQĐ: LD+CVPT;
- Lưu TT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ngô Viết Nghi**





**ỦY NHIỆM CHI  
PAYMENT ORDER**

Số/ Seq No: BNBIDVHN3/08

Ngày/ Date: 12/08/2022

Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/C Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC  
Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: 211-10-00-170777-2  
Tại NH/ At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
Chi nhánh/ Branch: Hà Nội

Người hưởng/ Beneficiary: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT THÀNH PHỐ HUẾ

Số CMND/HCI ID/PP: \_\_\_\_\_ Ngày cấp/ Date: \_\_\_\_\_

Nơi cấp/ Place: \_\_\_\_\_

Số TK/ A/C No: 3741 0 1030052 92001 00 502

Tại NH/ At Bank: Kho Bạc nhà nước Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số tiền bằng số/ Amount in figures: 21.075.943.000 VND

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Hai mươi mốt tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng chẵn.

Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: \_\_\_\_\_ Tỷ giá/ Ex rate: \_\_\_\_\_  
Nội dung/ Remarks: Chuyển tiền Kinh phí bồi thường, hỗ trợ & tái định cư thuộc dự án Khu E - TT Huế

Phí Ngân hàng/ Charges:

- Phí trong/ Charge included  
 Phí ngoài/ Charge excluded

PHẦN DÀNH CHO  
NGÂN HÀNG

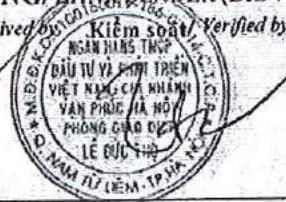
**KHÁCH HÀNG/ CLIENT**

KÊ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant  
(Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)

CHỦ TÀI KHOẢN/ Account Holder  
(Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)

**NGÂN HÀNG/ BANK SENDER (BIDV)**

Giao dịch viên/ Received by



KÊ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Vũ

CHỦ TÀI KHOẢN

Nguyễn Thị Hoài Thu



**PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG  
TRANSACTION NOTE**

MST: 0100150619-186

Số/Seq No:

Ngày/Date: \_\_\_\_\_

Hạch toán theo loại chứng từ/ Posting by

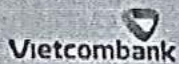
- Ủy nhiệm chi/ Payment Order  
 Ủy nhiệm thu/ Collection Order  
 Thanh toán hóa đơn/ Receipt  
 Thu nợ vay/ Loan Payment  
 Loại khác/ Other: \_\_\_\_\_

NỘI DUNG BỐT PHẬN HẠCH TOÁN

452 XUÂN THỊ HUƠNG BT 452-2-220812-00016 46701001 - KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
12/08/2022 14:48:26 7051 8267 ĐTA QUA - 0 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TẬP ĐOÀN IUC  
DR 21,075,943,000.00 VND 1.0000000 CR 21,075,943,000.00 VND 1.0000000  
Phí: 1,000,000.00 VND VAT: 100,000.00 VND 1.0000000 MST: 0104230537  
T. Toán Phí: 1,100,000.00 VND 1.0000000 TK thu phí: 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TẬP ĐOÀN IUC  
Tên Đơn vị hưởng: TRUNG TÂM PT QUY ĐẤT THÀNH PHỐ HUẾ  
152 TK DVH 3741010300529200100502, CTY CP TẬP ĐOÀN IUC CHUYỂN TIỀN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ & TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC DỰ ÁN KHU E TT HUẾ, TK DVH MỞ TẠI KINH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Giao dịch viên/ Prepared by

Signature and stamp of the bank officer



Ngân hàng TMCP ngoại thương VN-Chính Hà Nam

ĐC: TTMM Hải Hà-Đường Lê Hoàn-P. Hải Hà-Trung-Phủ Lý-Hà Nam

Mã VAT: 0100112437-138

VCB-TUC 996952

# ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER

Ngày (Date): 09/06/2022



ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit account)

SỐ TIỀN (With amount):

PHÍ NH (Bank charges):

SỐ TK (AC No):	0901000055666
TÊN TK (AC name):	Công Ty CP Tập Đoàn IUC
ĐỊA CHỈ (Address):	P. Cầu Diễn, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội
TẠI NH (With Bank):	Vietcombank Hà Nam

BẢNG SỐ:	100.000.000 VND
BẢNG CHỮ:	Một trăm triệu đồng.

Phí trong:  
Phí ngoài:

NỘI DUNG: Chuyển tiền kinh phí tạm ứng thực hiện hợp đồng bồi thường, GPMB thuộc Dự án Khu E - Đô thị Mới An Văn Dương tỉnh Thừa Thiên Huế.

& GHI CÓ TÀI KHOẢN (& Credit account):

SỐ TK (AC No):	3731.0.1030052.00000
TÊN TK (AC name):	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Huế
ĐỊA CHỈ (Address):	
TẠI NH (With Bank):	Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế

KẾ TOÁN TRƯỞNG KÝ  
(Chief Accountant)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Vũ

Thanh toán viên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Hoài Thu

Kiểm soát

Giám đốc

DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank's Use only) MÃ VAT:

VIETCOMBANK-CS HÀ NAM  
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
ĐÃ CHUYỂN TIỀN



**PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG**  
TRANSACTION NOTE

0023  
8007/N 2012 (14,8cm x 21cm)

HST: 0100150619065

Số/Seq No:

Ngày/Date:

Hạch toán theo loại chứng từ/Posting by

Ủy nhiệm chi/Payment Order

Ủy nhiệm thu/Collection Order

Thanh toán hóa đơn/Receipt

Thu nợ vay/Loan Payment

Loại khác/Other: .....



211 HOAPT5 HUNGNV 211-2-221121-00090 36701001 - KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
21/11/2022 14:15:12 7051 8267 - QTA Đ.4 - Đ 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TẬP ĐOÀN IUC  
DR 930,412,201.00 VND 1.0000000 CR 930,003,000.00 VND 1.0000000  
Phí: 372,001.00 VND VAT: 37,200.00 VND 1.0000000 HST: 0104230537  
T.Toan Phí: 409,201.00 VND 1.0000000  
Ten Don vi huong: TRUNG TAM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ HUẾ  
TK DVH 3741010300529200100502 CTY CP TẬP ĐOÀN IUC TT CP BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ TÀI ĐC ĐA KẾT PHẠ ĐÔNG HƯNG THUY  
DUONG THUAN AN THUOC KHU E ĐTH AN VAN DUONG

Giao dịch viên/Prepared by



Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công/ Share opportunities, share success

C004/O 2012 (14,8cm x 21cm)



**ỦY NHIỆM CHI**  
**PAYMENT ORDER**

Số/ Seq No:

Ngày/ Date: 21/11/2022

Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/C Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC

Người hưởng/ Beneficiary: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ HUẾ

Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: 211-10-00-170777-2

Số CMND/HCI/ ID: PP: ..... Ngày cấp/ Date: .....

Tại NH/ At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Nơi cấp/ Place: .....

Chi nhánh/ Branch: Hà Nội

Số TK/ A/C No: 3741 0 1030052 92001 00 502

Tại NH/ At Bank: Kho Bạc Nhà nước Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số tiền bằng số/ Amount in figures: 930.003.000 VND

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Chín trăm ba mươi triệu không trăm linh ba nghìn đồng chẵn.

Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: ..... Tỷ giá/ Ex rate: .....

Phí Ngân hàng/ Charges:

Nội dung/ Remarks: Thanh toán chi phí bồi thường hỗ trợ & tái định cư Dự án: Khu đô thị phía đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc khu E - đô thị mới An Vân Dương cho

Phí trong/ Charge included

Phí ngoài/ Charge excluded

IAN DANH CHIO  
NGÂN HÀNG

**KHÁCH HÀNG**

**NGÂN HÀNG**

KÊ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant  
(Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)

CHỦ TÀI KHOẢN/ Account Holder  
(Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)

Giao dịch viên/ Received by

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Vũ





Ngân hàng T/CP ngoại thương VN-Chi nhánh Hòa Bình  
 ĐC: 810 CÙ CHINH LAN, TP. HÒA BÌNH  
 MÃ VAT: 0100112437-184

**UỶ NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER**

Ngày (Date): 28/09/2022



ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit account)

SỐ TIỀN (With amount): 14.987.000 VND  
 SỐ HD - Invoice No: 230922.0004.000089 Mã VAT KH: 0104230537

SỐ TK (AC No):	1181688868	BẢNG SƠ:	14.987.000 VND
TÊN TK (AC name):	Công Ty CP Tập Đoàn IUC	BẢNG CHỮ:	Mười bốn triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng.
ĐỊA CHỈ (Address):	P. Cầu Diễn, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội		
TẠI NH (With Bank):	Vietcombank - CN Hòa Bình		

PHÍ NH (Bank charges):

Phí trong:

Phí ngoài:

**NỘI DUNG:** Chuyển tiền kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất tại DA KDT phía đông đường Thủy Dương - thuộc khu E, DTM An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế ( mã nguồn 00.502).

VIETCOMBANK - CN HÒA BÌNH  
 PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

**ĐÃ CHUYỂN TIỀN**

& GHI CỐ TÀI KHOẢN (& Credit account):

SỐ TK (AC No):	3731.0.1030052.00000
TÊN TK (AC name):	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Huế
ĐỊA CHỈ (Address):	
TẠI NH (With Bank):	Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế

KẾ TOÁN TRƯỞNG KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

(Chief Accountant)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

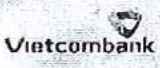
Phạm Văn Vũ Nguyễn Thị Hoài Thu

11809-HB13000931-23-09-22-13-44-56-PIGG-Remittance-Local RM by Transfer  
 0004.000089 LTNGUYET3 1181688868 /

Hạn mức GD: 100.000.000 VND GD qua duyệt  
 DANH CHỖ NGÂN HÀNG (For Bank's Use only) MÃ VAT: \*\*\*\*\*15.009.000

TIỀN GHI CỐ TK:	VND	Thanh toán viên	Kiểm soát	Giám đốc
		*****14.987.000		
PHÍ NGÂN HÀNG:	VND	*****20.000		
THUE VAT:	VND	*****2.000		

VCB - TUC 130975



Ngân hàng TMCP ngoại thương VN - Chi nhánh Hòa Bình  
Số HD - Invoice No: 130922.0015.000082 Mã VAT KH: 0104230537  
ĐC: 810 CÙ CHÍNH LAN, TP. HÒA BÌNH  
Mã VAT: 0100112437-164

**LỖ NHIỆM CHỈ LỆNH PAYMENT ORDER**

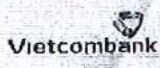
Ngày (Date): 13/09/2022



<b>ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit account)</b>		<b>SỐ TIỀN (With amount):</b>		<b>PHÍ NH (Bank charges):</b>	
<b>SỐ TK (AC No):</b>	1181688868	<b>BẢNG SỐ:</b>	225.167.000	<b>VND</b>	<b>PHÍ TRONG:</b>
<b>TÊN TK (AC name):</b>	Công Ty CP Tập Đoàn IUC	<b>BẢNG CHỮ:</b>	Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng.		
<b>ĐỊA CHỈ (Address):</b>	P. Cầu Diễn, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội	<b>NỘI DUNG:</b>	Chuyển tiền kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư DA khu Đô thị phía đông đường Thùy Dương - thuộc khu E, DTM An Văn Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế - (mã nguồn 00.502)		
<b>TÀI NH (With Bank):</b>	Vietcombank - CN Hòa Bình	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"> <b>VIETCOMBANK - CN HÒA BÌNH</b>  <b>PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG</b>  <b>ĐÃ CHUYỂN TIỀN</b> </div>			
<b>&amp; GHI CỐ TÀI KHOẢN (&amp; Credit account):</b>					
<b>SỐ TK (AC No):</b>	3731.0.1030052.00000	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG KÝ</b>	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 10px; display: inline-block;"> </div>		
<b>TÊN TK (AC name):</b>	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Huế	<b>(Chief Accountant)</b>			
<b>ĐỊA CHỈ (Address):</b>	11800 HB130000013 13-09-22 16:28:16 PICG Remittance Local RM by Transfer 0015.000082 LTNSUYET3 11816888887	<b>0113092219582548</b>	<b>Acc. Holder &amp; Stamp</b>		
<b>TÀI NH (With Bank):</b>	Hạn mức GD: 50.000.000 VND GD qua duyệt Tiền ghi nợ: VND	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		
<b>TÊN GHI CỐ TK:</b>	VND ****225.167.0000	<i>Phạm Văn Vũ</i>	<i>Nguyễn Thị Hoài Thu</i>		
<b>DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank's Use only)</b>	<b>MÃ VAT:</b>	<b>Kiểm soát</b>	<b>Giám đốc</b>		
<b>PHÍ NGÂN HÀNG:</b>	VND *****67.550	<i>Thanh</i>			
<b>THUE VAT:</b>	VND ....Thanh 199 viên				



VCB - Tue 23/10/22



Ngân hàng TMCP ngoại thương VN-Chỉ nhánh Hòa Bình  
ĐC: 810 CÙ CHÍNH LAN, TP. HÒA BÌNH  
Mã VAT: 0100112437-184

**ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER**

Ngày (Date): 23/10/2022



ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit account)		Số tiền thanh toán (Amount paid)		Số tiền ghi nợ (Debit amount)	
Số TK (AC No): 1181688868		BẢNG SỐ: 749.339.000 VND		Phi NH (Bank charges):	
TÊN TK (AC name): Công ty CP Tập Đoàn IUC		BẢNG CHỮ: Bảy trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn đồng.		Phi ngoài:	
ĐỊA CHỈ (Address): P. Cầu Diễn, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội					
TẠI NH (With Bank): Vietcombank - CN Hòa Bình		NỘI DUNG: Chuyển tiền kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất tại DA KĐT phía đông đường Thùy Dương - thuộc khu E, ĐTM An Văn Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế ( mã nguồn 09.502).			

VIETCOMBANK - CN HÒA BÌNH  
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
**ĐÃ CHUYỂN TIỀN**

**& GHI CÓ TÀI KHOẢN (& Credit account):**

SỐ TK (AC No): 37410103005292001	KẾ TOÁN TRƯỞNG KỶ
TÊN TK (AC name): Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Huế	(Chief Accountant)
ĐỊA CHỈ (Address):	
TẠI NH (With Bank): Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế	

0123092219770875  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*Phạm Văn Vũ*  
 Kiểm soát

0123092219770875  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*Nguyễn Thị Hoài Thu*  
 Giám đốc

Hạn mức GD: 100.000.000 VND GD qua duyệt  
 DANH CHỮ NGÂN HÀNG (For Bank's Use only) MÃ VAT: 749.668.710  
 TIỀN GHI CÓ TK: VND Thanh toán viên \*\*\*\*749.339.000  
 PHI NGÂN HÀNG: VND \*\*\*\*\*299.736  
 THUẾ VAT: VND \*\*\*\*\*29.974





# ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER

Số/ Seq. No: **PHẦN TẬP ĐOÀN**  
 Ngày/ Date: **15/12/2012**  
 Ngày cấp/ Date: **15/12/2012**  
 MSDN: 010422053

Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/C Name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC**  
 Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: **211-10-00-170777-2**  
 Tại NH/ At Bank: **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**  
 Chi nhánh/ Branch: **Hà Nội**

Người hưởng/ Beneficiary: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT THỊ XÃ HƯƠNG THỦY**

Số CMND/HC/ ID/PP: \_\_\_\_\_  
 Nơi cấp/ Place: \_\_\_\_\_

Số TK/ A/C No: **37410110893192001**  
 Tại NH/ At Bank: **Kho bạc nhà nước thị xã Hương Thủy**

Số tiền bằng số/ Amount in figures: **2.791.080.000 VND**

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: **Hai tỷ bảy trăm chín mươi một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.**

Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: \_\_\_\_\_ Tỷ giá/ Ex rate: \_\_\_\_\_  
 Nội dung/ Remarks: **Thanh toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án KĐT phía đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc khu E - ĐTM An Văn Dương**

Phí Ngân hàng/ Charges:  
 Phí trong/ Charge included  
 Phí ngoài/ Charge excluded

PHẦN DÀNH CHO  
NGÂN HÀNG

**KHÁCH HÀNG/ CLIENT**

KẾ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant  
(Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)



**CHỦ TÀI KHOẢN/ Account Holder**  
(Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Phạm Văn Vũ*

**QUẢN TRỊ**  
*Nguyễn Thị Hoài Thu*

**NGÂN HÀNG/ BANK SENDER (BIDV)**

Giao dịch viên/ Received by





**ỦY NHIỆM CHI  
PAYMENT ORDER**

Số/Seq No: BNBIDVHN2/08

Ngày/Date: 12/08/2022

Tên Tài khoản trích Nợ/Dr A/C Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC  
Số TK trích Nợ/Dr A/C No: 211-10-00-170777-2  
Tại NH/At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
Chi nhánh/Branch: Hà Nội

Người hưởng/Beneficiary: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

Số CMND/HCI/ID/PP: \_\_\_\_\_ Ngày cấp/Date: \_\_\_\_\_

Nơi cấp/Place: \_\_\_\_\_

Số TK/ A/C No: 37410110893192001

Tại NH/At Bank: Kho bạc nhà nước thị xã Hương Thủy

Số tiền bằng số/Amount in figures: 10.512.336.000 VND

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Mười tỷ năm trăm mười hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn.

Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/Request for changing into: \_\_\_\_\_ Tỷ giá/Ex rate: \_\_\_\_\_

Phí Ngân hàng/Charges:

Nội dung/Remarks: Chuyển tiền Kinh phí bồi thường, hỗ trợ & tái định cư Dự án Khu E - TT Huế

Phí trong/Charge included

Phí ngoài/Charge excluded

PHẦN DÀNH CHO  
NGÂN HÀNG

**KHÁCH HÀNG/CLIENT**

**NGÂN HÀNG/BANK SENDER (BIDV)**

KÊ TOÁN TRƯỞNG/Chief Accountant

CHỦ TÀI KHOẢN/Account Holder

Giao dịch viên/Received by và Kiểm soát/Verified by

(Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)

(Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Vũ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Hoài Thu



**PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG  
TRANSACTION NOTE**

0027 8007/N 2012 (14.8cm x 21cm)

MST: 0100150619-186

Số/Seq No:

Ngày/Date:

Hạch toán theo loại chứng từ/Posting by

Ủy nhiệm chi/Payment Order

Ủy nhiệm thu/Collection Order

Thanh toán hóa đơn/Receipt

Thu nợ vay/Loan Payment

Loại khác/Other: \_\_\_\_\_

NỘI DUNG BƯT TOÁN HẠCH TOÁN

452 XUANHTN1 HUONGBT1 452-2-220812-00015  
12/08/2022 14:43:22 7051 8262 QTA 0L3 -SIBS) 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TAP DOAN IUC  
DR 10,512,336,000.00 VND 1.0000000 CR 10,512,336,000.00 VND 1.0000000  
Phí: 500,000.00 VND VAT: 50,000.00 VND 1.0000000 MST: 0104230537  
T.Toan Phí: 550,000.00 VND 1.0000000 TK thu phí: 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TAP DOAN IUC  
Ten Don vi huong: TRUNG TAM PT QUY DAT THI XA HUONG THUY  
CTY CP TAP DOAN IUC CHUYEN TIEN KINH PHI BOI THUONG, HO TRU VA TAI DINH CU DU AN KHU E TT HUE, TX DVH HO TAI K  
BINH THI XA HUONG THUY THUA THIEN HUE

Giao dịch viên/Prepared by

Kiểm soát/Verified by





HST: 0100150619065

PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG  
TRANSFER NOTE

0028 B007/N 2012 (14.8 cm x 21 cm)

Số/ Seq No

Ngày/ Date

Hạch toán theo loại chứng từ/ Posting by:

- Ủy nhiệm chi/ Payment Order
- Thu nợ vay/ Loan Payment

- Ủy nhiệm thu/ (Collection Order)
- Loại khác/ Other: .....

- Thanh toán Hóa đơn/ Receipt



NỘI DUNG BƯT TOÁN HẠCH TOÁN

211 HOAPT5 HUNGNV 211-2-230117-00063 01203001 - NHMCP NGOẠI THƯƠNG-HỘI SỞ CHINH-HÀ NỘI  
 17/01/2023 11:10:06 7051 8267 QTA OL4 - D 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TẬP ĐOÀN IUC  
 DR 18,622,000.00 VND 1.0000000 CR 18,600,000.00 VND 1.0000000  
 Phí: 20,000.00 VND VAT: 2,000.00 VND 1.0000000 MST: 0104230537  
 Y.Toan Phí: 22,000.00 VND 1.0000000  
 Ten Đơn vị hưởng: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TP HUE  
 TK TẠI KHỐI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ TT CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN KHU E ĐTM AN VÂN DƯƠNG

Giao dịch viên/ Prepared by



Verified by

C004(A) 2012 (14.8cm x 21cm)



ỦY NHIỆM CHI  
PAYMENT ORDER

Số/ Seq No:

Ngày/ Date: 17.01.2023

Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/C Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC  
 Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: 211-10-00-170777-2  
 Tại NH/ At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
 Chi nhánh/ Branch: Hà Nội

Người hưởng/ Beneficiary: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ HUẾ  
 Số CMND/HCI ID: PP: ..... Ngày cấp/ Date: .....  
 Nơi cấp/ Place: .....  
 Số TK/ A/C No: 3714.0.1030052.00000  
 Tại NH/ At Bank: Kho Bạc Nhà nước Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số tiền bằng số/ Amount in figures: 18.600.000 VND

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.

Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: ..... Tỷ giá/ Ex rate: .....  
 Nội dung/ Remarks: TT chi phí giải phóng mặt bằng dự án Khu E - ĐTM An Vân Dương

Phí Ngân hàng/ Charges:

- Phí trong/ Charge included
- Phí ngoài/ Charge excluded

AN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

KHÁCH HÀNG/ CLIENT

NGÂN HÀNG/ BANK (BIDV)

KÊ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant

CHỦ TÀI KHOẢN/ Account Holder

Giao dịch viên/ Received

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Vũ



HIỆP TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhuận Chí Hoài Thu





**PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG**  
**TRANSACTION NOTE**

B007/N 2012 (14,8cm x 21cm)

0021

MST: 0100150619065

Số/Seq No:

Ngày/Date:

Hạch toán theo loại chứng từ/Posting by

- Ủy nhiệm chi/Payment Order     
  Ủy nhiệm thu/Collection Order     
  Thanh toán hóa đơn/Receipt  
 Thu nợ vay/Loan Payment     
  Loại khác/Other:



NỘI DUNG BƯT TOÁN HẠCH TOÁN

211 HOAPT5 HUNG NV 211-2-221121-00076  
 21/11/2022 13:49:34 7051 8262 07A QLS - 8183) 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TẬP ĐOÀN IUC  
 DR 69,925,000.00 VND 1.0000000 CR 69,925,000.00 VND 1.0000000  
 Phí: 27,970.00 VND VAT: 2,797.00 VND 1.0000000 MST: 0104230537  
 T. Toán Phí: 30,767.00 VND 1.0000000 TK thu phí: 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TẬP ĐOÀN IUC  
 Tên Đơn vị hưởng: TRUNG TÂM PT QUY ĐỊNH THỊ XÃ HƯƠNG THỦY  
 TT KP TC THỰC HIỆN CTAC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CẤP ĐỘ KHỐI PHÍA ĐÔNG ĐƯỜNG THỦY DƯƠNG THUẬN AN THUỘC KHU E D  
 TÍN AN VẠN DƯƠNG TK TẠI KBNN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

Giao dịch viên/Prepared by: NGÂN HÀNG KIỂM SOÁT/Verified by:



Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công/ Share opportunities, share success

C004/O 2012 (14,8cm x 21cm)



**ỦY NHIỆM CHI**  
**PAYMENT ORDER**

Số/Seq No:

Ngày/Date: 21/11/2022

Tên Tài khoản trích Nợ Dr A/C Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC

Người hưởng/ Beneficiary: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUY ĐỊNH THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

Số TK trích Nợ Dr A/C No: 211-10-00-170777-2

Số CMND/HCI ID/PP: Ngày cấp/Date:

Tại NH/ At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
 Chi nhánh/ Branch: Hà Nội

Nơi cấp/ Place:

Số TK/ A/C No: 37310110893100000

Tại NH/ At Bank: Kho bạc nhà nước thị xã Hương Thủy

Số tiền bằng số/ Amount in figures: 69.925.000 VND

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: Tỷ giá/ Ex rate:

Phí Ngân hàng/ Charges:

Nội dung/ Remarks: Thanh toán kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: KĐT phía đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc Khu E - ĐTM An Văn Dương

- Phí trong/ Charge included  
 Phí ngoài/ Charge excluded

AN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

**KHÁCH HÀNG**

**NGÂN HÀNG**

KÊ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant  
 (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)

CHỦ TÀI KHOẢN/ Account Holder  
 (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)

Giao dịch viên/ Received by

kiểm soát/ verified by

KÊ TOÁN TRƯỞNG



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
 Nguyễn Chí Hoài Châu



HST: 0100150619065

PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG  
TRANSFER NOTE

0020 D007/N 2012 (14.8 cm x 21 cm)

Số/ Seq No

Ngày/ Date

Hạch toán theo loại chứng từ/ Posting by:

- Ủy nhiệm chi/ Payment Order
- Ủy nhiệm thu/ (Collection Order)
- Thanh toán Hóa đơn/ Receipt
- Thu nợ vay/ Loan Payment
- Loại khác/ Other:



NỘI DUNG NÚT TOÁN HẠCH TOÁN

211 HOAPT5 HUNG NV 211-2-221229-00026  
 29/12/2022 10:21:52 7051 8262 OTA DL3-SIBS) 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TẬP ĐOÀN IUC  
 DR 97,068,350.00 VND 1.0000000 CR: 97,047,000.00 VND 1.0000000  
 Phí: 19,409.00 VND VAT: 1,941.00 VND 1.0000000 HST: 0104230537  
 T. Toán Phí: 21,350.00 VND 1.0000000  
 Tên Đơn vị hưởng: TRUNG TÂM PT QUY ĐẠT THI XÃ HƯƠNG THỦY  
 TK TẠI KBNH THI XÃ HƯƠNG THỦY TT KP B01 THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ TÀI ĐÌNH CỤ DU AN KDT PHIA ĐONG DƯƠNG THỦY DƯƠNG THỦA  
 H AN THUỘC KHU E DTH AN VẠN DƯƠNG

Giao dịch viên/ Prepared by



C004/O 2012 (14.8cm x 21cm)



ỦY NHIỆM CHI  
PAYMENT ORDER

Số/ Seq No

Ngày/ Date: 29/12/2022

Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/C Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC	Người hưởng/ Beneficiary: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUY ĐẠT THI XÃ HƯƠNG THỦY
Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: 211-10-00-170777-2	Số CMND/HCI/ ID/PP: Ngày cấp/ Date:
Tại NH/ At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Nơi cấp/ Place:
Chi nhánh/ Branch: Hà Nội	Số TK/ A/C No: 37410110893192001
Số tiền bằng số/ Amount in figures: 97.047.000 VND	Tại NH/ At Bank: Kho bạc nhà nước thị xã Hương Thủy
Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: Tỷ giá/ Ex rate:	Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Chín mươi bảy triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn.
Nội dung/ Remarks: Thanh toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án KDT phía đông đường Thủy Dương - Thuận An, thuộc khu E - DTM An Văn Dương	Phí Ngân hàng/ Charges: <input type="checkbox"/> Phí trong/ Charge included <input type="checkbox"/> Phí ngoài/ Charge excluded

BIÊN DẶN CHỨ NGÂN HÀNG

KHÁCH HÀNG

NGÂN HÀNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)

Giao dịch viên/ Received by

KẾ TOÁN TRƯỞNG



GIÁM ĐỐC  
Thành Công



Ngân hàng TMCP ngoại thương VN-Chỉ nhánh Hà Nam  
 ĐC: TTMM Hải Hà - Đường Lê Hoàn-P. Hải Hà Trung Phủ Lý-Hà Nam  
 Mã VAT: 0100112437-138

V/CB - TUC 996952  
**ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER**

Ngày (Date): 09-06-2022

**ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit account)**

SỐ TK (AC No):	0901000055666	SỐ TIỀN (With amount):	BẢNG SỐ: 100.000.000 VND		PHÍ NH (Bank charges):
TÊN TK (AC name):	Công Ty CP Tập Đoàn IUC	BẢNG CHỮ:	Một trăm triệu đồng		Phí trong nước Phí ngoài nước
ĐỊA CHỈ (Address):	P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	NỘI DUNG: Chuyển tiền kinh phí tạm ứng thực hiện hợp đồng bồi thường, GPMB thuộc Dự án Khu E - Đô thị Mới An Văn Dương tỉnh Thừa Thiên Huế			
TẠI NH (With Bank):	Vietcombank Hà Nam				

**& GHI CÓ TÀI KHOẢN (& Credit account)**

SỐ TK (AC No):	3731.0.1108931.00000
TÊN TK (AC name):	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Hương Thủy
ĐỊA CHỈ (Address):	
TẠI NH (With Bank):	Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy.

KẾ TOÁN TRƯỞNG KÝ VÀ ĐÓNG DẤU  
 (Chief Accountant)  
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC GROUP  
 MSDN: 0104234153

KẾ TOÁN TRƯỞNG CHU TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
 Phạm Văn Vũ Nguyễn Thị Hoài Thu  
 Kiểm soát Giám đốc

DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank's Use only) MÃ VAT:

Thanh toán viên

VETCOMBANK-CN HA NAM  
 PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
 ĐÃ CHUYỂN TIỀN



# PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG

B007/N 2012 (14,8cm x 21cm)

## TRANSACTION NOTE

MST: 0100150619065

Số/Seq No:

Ngày/Date:

Hạch toán theo loại chứng từ/Posting by

Ủy nhiệm chi/Payment Order

Ủy nhiệm thu/Collection Order

Thanh toán hóa đơn/Receipt

Thu nợ vay/Loan Payment

Loại khác/Other



MỖ DUNG BỐT TOÁN HẠCH TOÁN

211 HOAPT5 HUNGHA 211-2-221128-00167  
 28/11/2022 16:33:05 7051 8262 ĐIA 0L3 -S185) 211-10-00-170777-2 VND CTY CP TẬP ĐOÀN IUC  
 DR 124,460,376.00 VND 1.0000000 CR 124,433,000.00 VND 1.0000000  
 Phí: 24,887.00 VND VAT: 2,489.00 VND 1.0000000 MST: 0104230337  
 T.Toan Phí: 27,376.00 VND 1.0000000  
 Ten Đơn vị hưởng: TRUNG TÂM PT QUY ĐỊNH THỊ XÃ HƯƠNG THỦY  
 CTY CP TẬP ĐOÀN IUC TT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ TÀI ĐÌNH CƯ ĐỢT 4 CHUYÊN TIẾP KINH THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

Giao dịch viên/Prepared by



Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công/ Share opportunities, share success

C004/O 2012 (14.8cm x 21cm)



## ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER

Số/Seq No:

Ngày/Date: 28/11/2022

Tên Tài khoản trích Nợ Dr A/C Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC

Người hưởng/ Beneficiary: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUY ĐỊNH THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

Số TK trích Nợ Dr A/C No: 211-10-00-170777-2

Số CMND/HCI/ ID/PP: Ngày cấp/Date:

Tại NH/ At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Nơi cấp/ Place:

Chi nhánh/ Branch: Hà Nội

Số TK/ IC No: 37410110893192001

Tại NH/ At Bank: Kho bạc nhà nước thị xã Hương Thủy

Số tiền bằng số/ Amount in figures: 124.433.000 VND

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn.

Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: Tỷ giá/ Ex rate:

Phí Ngân hàng/ Charges:

Nội dung/ Remarks: Thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ & tái định cư đợt 4

Phí trong/ Charge included

Phí ngoài/ Charge excluded

THAN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

KHÁCH HÀNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant  
(Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)



KÊ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Vũ

Chủ tài khoản/ Account Holder  
(Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)

Giao dịch viên/ Received by

Nguyễn Thị Hoài Thu

NGÂN HÀNG BÁNH SÈN (BIDV)

Verified by



**Vietcombank** NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG  
 CHI NHÁNH TRỤ SỞ CHÍNH  
 Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
 MST NH: 0100112437

**CHỨNG TỪ GIAO DỊCH**

Ngày (Date): 03/10/2022  
 (Liên 1: lưu, Liên 2: KH)  
 Số CT - Doc No: 031022.5056.076532

KH: VC22T

Mã CTGD



Người ra lệnh	Người hưởng
Họ tên : CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN IUC	Họ tên : KBNN Hương Thủy - Thừa Thiên Huế
Số TK : 000181686868	Số TK : 37410110893192001
Địa chỉ : TẦNG 3 TOA NHÀ VINACONEX 7 (SỐ 60 ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN GIÁP-CAI ĐIỆN-NAM TỪ LIÊM-HN)	Địa chỉ :
MST/Số CMT : 0104230537	MST/Số CMT :
Ngày cấp : Nơi cấp :	Ngày cấp : Nơi cấp :
Tại ngân hàng :	Tại ngân hàng : KBNN Hương Thủy-Thừa Thiên Huế
Số tiền nợ 1431425215,00 Loại tiền: VND <i>(bằng chữ) : Một tỷ bốn trăm ba mươi một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm mười lăm đồng</i>	Số tiền có 1430.953.000,00 Loại tiền: VND <i>(bằng chữ) : Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu chín trăm năm mươi ba ngàn đồng</i>
Số tiền phí 429.286,00 Loại tiền: VND Thuế VAT 42.929,00 Loại tiền: VND	

Tỷ giá :  
 Nội dung : Ct kính phí bol thương, ho tro & tal dinh cu thuooc khu E- TT Hue tai Xa Thuy Thanh tx Hương Thủy ( dot 3)

Ngân hàng gửi : Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN  
 Ngân hàng nhận : NHTMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN SGD 1

NGƯỜI IN

NGƯỜI DUYỆT IN

Ngày in: 02/11/2022



Online



Ngân hàng TMCP ngoại thương VN-Chỉ nhánh Hòa Bình

ĐC: 810 CỤ CHÍNH LẠN, TP. HÒA BÌNH

Mã VAT: 0100112437-184

**ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER**

Ngày (Date): 03/10/2022

<b>ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit account)</b>		<b>SỐ TIỀN (With amount):</b>		<b>PHÍ NH (Bank charges):</b>	
SỐ TK (AC No):	1181686868	BẢNG SỐ:	1.430.953.000	VND	Phí trong:
TÊN TK (AC name):	Công Ty CP Tập Đoàn IUC	BẢNG CHỮ:	Một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn đồng.		Phí ngoài:
ĐỊA CHỈ (Address):	P. Cầu Diễn, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội				
TẠI NH (With Bank):	Vietcombank - CN Hòa Bình	<b>NỘI DUNG:</b> Chuyển tiền kinh phí bồi thường, hỗ trợ & tái định cư để thực hiện DA KĐT phía Đông đường Thủy Dương-Thuận An thuộc khu E -ĐTMM AnVân Dương tại xã Thủy Thanh thị xã Hương Thủy (dợt 3)			
<b>&amp; GHI CÓ TÀI KHOẢN (&amp; Credit account):</b>					
SỐ TK (AC No):	3741 0 1108931 92001	<b>KÊ TOÀN TRƯỞNG KÝ</b>		<b>CHỦ TÀI KHOẢN KÝ VÀ ĐÓNG DẤU</b>	
TÊN TK (AC name):	Trung tâm phát triển quý đất thị xã Hương Thủy	<i>(Chief Accountant)</i>		<i>(Acc. Holder &amp; Stamp)</i>	
ĐỊA CHỈ (Address):					
TẠI NH (With Bank):	Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy				

<b>DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank's Use only) MÃ VAT:</b>		
Thanh toán viên	Kiểm soát	Giám đốc



**Vietcombank** NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG  
CHI NHÁNH TRỤ SỞ CHÍNH  
Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
MST NH: 010012437

### CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày (Date): 03/10/2022  
(Liên 1: lưu, Liên 2: KH)  
Số CT - Doc No: 031022.5056.090111

KH: VC/22T

Mẫu: CTGD

Người ra lệnh	Người hưởng
Họ tên : CONG TY CP TAP DOAN IUC	Họ tên : KBNN Huong Thuy - Thua Thien Hue
Số TK : 0001181686868	Số TK : 37410110893192001
Địa chỉ : TANG 3 TOA NHA VINACONEX 7 (SO 60 DUONG NGUYEN VAN GIAP-CAU DIEN-NAM TU LIEM-HN)	Địa chỉ :
MST/Số CMT : 0104230537	MST/Số CMT :
Ngày cấp : Nơi cấp :	Ngày cấp : Nơi cấp :
Tại ngân hàng :	Tại ngân hàng : KBNN Huong Thuy-Thua Thien Hue
Số tiền nợ : 1967.502.062,00 Loại tiền: VND (bằng chữ) : Một tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm linh hai ngàn không trăm sáu mươi hai đồng	Số tiền có : 1966.853.000,00 Loại tiền: VND (bằng chữ) : Một tỷ chín trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng
Số tiền phí : 590.056,00 Loại tiền: VND	
Thuế VAT : 59.006,00 Loại tiền: VND	

Tỷ giá :  
Nội dung : Chuyển tiền kinh phí bồi thường, ho trợ & tại định cư thuộc khu E tại Xã Thủy Thành tx. Hương Thủy ( đợt 2)

Ngân hàng gửi : Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN  
Ngân hàng nhận : NHTMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN SGD 1

NGƯỜI IN

NGƯỜI DUYỆT IN

Ngày in: 02/11/2022

Online

VCB - TUC 31066



Ngân hàng TMCP ngoại thương VN-Chỉ nhánh Hòa Bình

ĐC: 810 CÙ CHÍNH LAN, TP. HÒA BÌNH

Mã VAT: 0100112437-184

**ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER**

Ngày (Date): 03/10/2022.

**ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit account)**

**SỐ TIỀN (With amount):**

**PHÍ NH (Bank charges):**

SỐ TK (AC No):	1181686868	BẢNG SỐ:	1.966.853.000	VND
TÊN TK (AC name):	Công Ty CP Tập Đoàn IUC	BẢNG CHỮ:	Một tỷ, chín trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn đồng.	
ĐỊA CHỈ (Address):	P. Cầu Diễn, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội			
TẠI NH (With Bank):	Vietcombank - CN Hòa Bình			

Phí trong:

Phí ngoài:

**NỘI DUNG:** Chuyển tiền kinh phí bồi thường, hỗ trợ & tái định cư để thực hiện DA KĐT phía Đông đường Thủy Dương-Thuận An thuộc khu E-ĐTMM AnVân Dương tại xã Thủy Thành thị xã Hương Thủy (lợt 2)

**& GHI CÓ TÀI KHOẢN (& Credit account):**

SỐ TK (AC No):	3741 0 1108931 92001
TÊN TK (AC name):	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Hương Thủy
ĐỊA CHỈ (Address):	
TẠI NH (With Bank):	Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG KÝ

(Chief Accountant)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Vũ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Hoài Thu

**DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank's Use only) MÃ VAT:**

Thanh toán viên

Kiểm soát

Giám đốc

# ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER

Số/ Seq No:

Ngày/ Date: 12/05/2023

Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/C Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN IUC

Người hưởng/ Beneficiary: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THỊ XÃ HUƠNG THỦY

Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: 211-10-00-170777-2  
Tại NH/ At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
Chi nhánh/ Branch: Hà Nội

Số CMND/HCI ID/PP: \_\_\_\_\_ Ngày cấp/ Date: \_\_\_\_\_  
Nơi cấp/ Place: \_\_\_\_\_

Số TK/ A/C No: 3731.0.1108931.00000

Tại NH/ At Bank: Kho bạc nhà nước thị xã Hương Thủy

Số tiền bằng số/ Amount in figures: 57.579.000 VND

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn.

Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: \_\_\_\_\_ Tỷ giá/ Ex rate: \_\_\_\_\_

Nội dung/ Remarks: TT chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu L - ĐTM An Văn Dương

Phí Ngân hàng/ Charges:  
 Phí trong/ Charge included  
 Phí ngoài/ Charge excluded

PHÂN DÀNH CHO  
NGÂN HÀNG

KHÁCH HÀNG/ CLIENT NGÂN HÀNG/ BANK SENDER (BIDV)

KÊ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant Account Holder  
(Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name) (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)

Giao dịch viên/ Received by Kiểm soát/ Verified by

  
KÊ TOÁN TRƯỞNG

  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Văn Vũ

Nguyễn Thị Hoài Thu



Số/ Seq No:

Ngày/ Date: 12/05/2013

# ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER

## BIDV

Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/C No: 211-10-00-170777-2  
TẬP ĐOÀN IUC

Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: 37410110893192001  
Tại NH/ At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
Chi nhánh/ Branch: Hà Nội

Người hưởng/ Beneficiary: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỲ ĐẤT THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

Số CMND/HC/ ID/PP:

Nơi cấp/ Place:   
Số TK/ A/C No: 37410110893192001  
Tại NH/ At Bank: Kho bạc nhà nước thị xã Hương Thủy  
Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Một trăm linh sáu triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn.

Phí Ngân hàng/ Charges:  
 Phí trong/ Charge included  
 Phí ngoài/ Charge excluded

Số tiền bằng số/ Amount in figures: 106.248.000 VND  
Tỷ giá/ Ex rate:

Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into:   
Nội dung/ Remarks: TT kính phi do đặc, cảm mớc GPMB dự án Khu E - ĐTM An Văn Dương

PHẦN DẶN CHƠ  
NGÂN HÀNG

NGÂN HÀNG/ BANK SENDER (BIDV)  
Giao dịch viên/ Received by:   
Kiểm soát/ Verified by:



KHÁCH HÀNG/ CLIENT:   
KẾ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant:   
(Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name):

